

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ
TÒA THÁNH TÂY NINH

Góp Nhặt
CHUYỆN ĐẠO

QUYỂN XXI (21)

Sưu Tầm
QUANG MINH

TÀI LIỆU SƯU TẦM 2017
hai • không • một • bảy

Ebook được làm theo **ẤN-BẢN** phổ biến trên Website của **DAOCAODAL.INFO**. Mọi góp ý, đề nghị bổ túc, sửa đổi những sơ sót, có thể có, xin vui lòng gửi điện thư vào địa chỉ: *tamnguyen351@live.com*

Thành thật tri ơn **SOẠN GIẢ QUANG MINH, BAN PHỤ TRÁCH PHỔ BIẾN KINH SÁCH WEBSITE DAOCAODAL.INFO** đã bỏ nhiều tâm-huyết và công sức trong việc sưu tập, biên khảo, đánh máy, in ấn hay phổ biến trên Website ngõ hầu **GIÁO-LÝ ĐẠI-ĐẠO** được phổ truyền rộng rãi, lưu lại di-sản tinh-thần vô-giá cho thế-hệ hiện tại và nhiều thế-hệ tiếp nối mai sau.

California, 19/10/2017

Tâm Nguyên

Góp Nhặt Chuyện Đạo 21

SUU TÂM: **QUANG MINH**

MỤC LỤC

LỜI TỰA	9
GÓP NHẬT CHUYỆN ĐẠO	11
1. Sự Biến Chuyển Tuần Hoàn Của Vạn Vật.....	13
2. Lễ Nhạc- 5 Cây Hương	16
3. Bài Diễn Văn Của Ông Gs Đại Biểu Trần Quang Vinh	19
4. Kỷ Tín Cứu Chúa	22
5. Sự Oai Nghiêm Của Đức Lý	26
6. Bài Giảng Chữ “Hòa” Trong Lý Nhạc Của Đức Chí Tôn	29
7. Suối Vàng Núi Điện Bà & Suối Ngâm Lục Long Phò Ẩn Nằm Dưới Lòng Đất.....	31
8. Chí Tôn Xuống Tại Thế	35
9. Tích: Lý Trường Canh & Lý Ngư Tinh (Con Cá Ông). 39	
10. Những Huyền Thoại Vùng Núi Bà, Núi Cậu Tây Ninh.....	41
• 1.- Ngọn Đèn Hồn Tử Sĩ Hay Là Lão Bọc Huỳnh Trung	41
• 2.- Đạo Binh Vô Hình Ở Vùng Núi Cậu Tây Ninh .42	
• 3.- Dấu Chơn Ông Khổng Lồ Trên Núi, Tầng Đá Nằm Trên Ngọn Cây Dầu Trại Bí.....	44
11. Dọn Đất Lương Tâm	48
12. Truyền Đạo Phải Có Đức Tin	51
13. Phật Thân Luận	53
• Thế nào là Pháp Thân:	53

• Thế nào gọi là báo thân:	53
• Thế nào là Hóa Thân?	54
14. Luận Ngữ.....	56
15. Thánh Giáo Tiết Lộ Việc Xử Các Ông Tương, Trang, Thơ	58
16. Các Bài Thi Dạy Đạo Đáng Nghi Nhớ	60
17. Đạo Hợp Quần Của Nhân Loại.....	61
18. Nho Giáo Suy Lạc	63
19. Lạy Phật Cách Nào?.....	67
20. Ảnh Hưởng Của Thơ Đối Với Đời Sống	69
21. Nhập Thế Và Xuất Thế.....	72
22. Cách Niệm Phật.....	75
23. Thế Chất Và Tánh Đức Các Hạng Khách Trần.....	78
24. Thiên Cung Của Mỗi Con Cái Đức Chí Tôn	83



TÒA-THÁNH TÂY-NINH

LỜI TỰA

CÓ NHỮNG CÂU CHUYỆN HOẶC BẰNG HÀNH VI, HOẶC VIẾT BẰNG VĂN XUÔI, HOẶC BẰNG VĂN vần hay Thánh Giáo, nếu không ghi nhận nó bằng bút mực thì nó sẽ vì thời gian mà quên lãng rất uổng, nên tôi bắt đầu từ nay cố viết nó lại thành một tập để làm tài liệu học Đạo. Lâu lâu xem lại cũng giải khuây trong lúc nhàn rỗi.

Trên bước đường hành Đạo, tôi đã nghe nói hoặc đọc được những gì đáng ghi nhớ tôi sẽ lưu lại cho quý độc giả cùng thưởng thức, có lẽ bổ ích phần nào trên đường tu tiến của chúng ta. Nhất là những lời vàng tiếng ngọc của Đức Hộ Pháp nó làm kim chỉ nam để chúng ta nhắm cho đúng đường mà lập công bồi đức trao giới tâm hồn hầu làm phương châm thoát tục.

Khởi viết tại Tòa Thánh ngày 16-7-Canh Thân (1980)

QUANG MINH

GÓP NHẬT CHUYỆN ĐẠO

QUYỂN XXI



QUANG MINH

Viết xong ngày 17-09-Giáp Tý (1984)

NỘI DUNG:

1. Sự Biến Chuyển Tuần Hoàn Của Vạn Vật
2. Lễ Nhạc-5 Cây Hương
3. Bài Diễn Văn Của Ông Gs Đại Biểu Trần Quang Vinh
4. Kỹ Tín Cứu Chúa
5. Sự Oai Nghiêm Của Đức Lý
6. Bài Giảng Chữ “Hòa” Trong Lý Nhạc Của Đức Chí Tôn
7. Suối Vàng Núi Điện Bà & Suối Ngâm Lục Long Phò Ẩn Nằm Dưới Lòng Đất
8. Chí Tôn Xuống Tại Thế
9. **TÍCH:** Lý Trường Canh & Lý Ngư Tinh (Con Cá Ông)
10. Những Huyền Thoại Vùng Núi Bà, Núi Cậu Tây Ninh
11. Dọn Đất Lương Tâm
12. Truyền Đạo Phải Có Đức Tin
13. Phật Thân Luận
14. Luận Ngữ
15. Thánh Giáo Tiết Lộ Việc Xử Các Ông Tương,

Trang, Thơ

16. Các Bài Thi Dạy Đạo Đáng Nghi Nhớ
17. Đạo Hợp Quần Của Nhân Loại
18. Nho Giáo Suy Lạc
19. Lạy Phật Cách Nào?
20. Ảnh Hưởng Của Thơ Đối Với Đời Sống
21. Nhập Thế Và Xuất Thế
22. Cách Niệm Phật
23. Thể Chất Và Tánh Đức Các Hạng Khách Trần
24. Thiên Cung Của Mỗi Con Cái Đức Chí Tôn

1. SỰ BIẾN CHUYỂN TUẦN HOÀN CỦA VẠN VẬT

➤ *Đêm 16-9 Canh Dần (dl 26-10-1950)

Phò loan: *Thừa Sử Hải-Luật Sự Nhung.*

Hầu đàn: *Thừa Sử Hội, Luật Sự Hưởng, Khỏe, Khen, Giáo
Hữu Thượng Giác Thanh*

CAO THƯỢNG PHẨM



ĂN ĐẠO CHÀO MẤY EM.

Hôm nay Bản Đạo dạy mấy em hiểu rõ Nguyên Căn Biến Chuyển Tuần Hoàn Của Vạn Vật.

Vạn vật trong vũ trụ không vật nào hơn hay kém, trước sau đều đồng một thể là Chơn linh lập đời định thể đặng các đẳng Tiên, Phật có nơi học hỏi và thi dụng tài năng, hầu tỏ điểm thêm phẩm giá Thiêng Liêng vị. Do lẽ đó, các phẩm chưa đủ sức lo tròn địa vị phải luân hồi chuyển kiếp mà bồi bổ thêm.

Lúc Khai Thiên Lập Địa thì các đẳng chơn hồn ấy phải đi từ vật chất lên thảo mộc, thú cầm rồi mới chuyển kiếp thành người được. Tính ra mỗi phẩm đi từ đầu chí cuối mà không bị lầm lạc thì phải đủ chín chục ngàn (90.000) kiếp mới trở về Thiêng Liêng vị được. Vì cố mà các đẳng chơn hồn lúc bị lạc lầm xa đọa, phải luân hồi chuyển kiếp mãi mà chưa về đặng nơi cõi Thiêng Liêng hằng sống.

Các chơn hồn ấy lúc mới là hóa nhân thì còn bản chất

thật thà vì chưa bị sự cám dỗ của vật chất. Sự cám dỗ ấy lại cũng do các chơn hồn còn nhỏ phẩm kiếp muốn cho các đấng trên mình đồng về một lượt mới bày cơ thử thách.

Lần lần các chơn hồn nhiễm vật chất, rồi do vật chất ấy mà tạo thành hình thể hữu vi đặng phơi bày cho biết lẽ huyền vi ra thiệt tướng. Vì vậy chúng ta thấy sự biến chuyển của Tạo Doan càng ngày càng tăng tiến là lẽ đó.

Khi loài người lộ hết vẻ huyền vi cho nhau đặng hiểu rồi thì cơ bí mật chẳng còn nữa, do đó mà sự qui đối phải trở lại đặng cho các Nguyên nhân thấy rõ mọi đường học hỏi về sự biến chuyển là lẽ nào.

Ngày nay, các Nguyên nhân xuống thế mà còn ở tại thế, đã chuyển kiếp mấy lần 90.000 kiếp rồi. Bởi đó mà Đức Chí Tôn xây cơ chuyển thế cho các Nguyên nhân thấy rõ sự huyền vi bất khả xâm phạm của Thiên điều, là dấu cho tay phạm kiếm đặng sự bí mật của tạo hóa mà họ có thể tìm kiếm sự sanh của Chí Tôn hằng để hay chăng?

Ngày nay các Nguyên nhân đã thấy rõ sự biến hóa của họ về vật chất là mầm tiêu diệt, nên tự họ phải nhường bước trước hành phạt Thiêng Liêng. Họ đã hiểu đặng huyền vi bí mật của vũ trụ, mà họ không hiểu lẽ sanh tồn do đâu mà có.

Vì vậy mà lần hồi họ chỉ nhờ học hỏi nơi Đạo đức mới hiểu lẽ ấy do đâu.

Lần này vì các Chơn linh xuống phạm quá lâu nên Đức Chí Tôn muốn đem về hết một lượt, rồi cho trở xuống học lại lớp khác. Bởi có Tam nguơn tận mãn thì Nhứt Nguơn kế tiếp là vậy.

Còn qui nhân là những chơn hồn của qui vương

nơi Tam Thập Lục Động cho xuống đặng làm các bài vở cho các Nguyên nhân học hỏi. Vì cơ cho nên các Nguyên nhân tội lỗi cũng phải đến cõi Phong Đô đặng chịu sự giáo hóa mà định trí định thân, rồi chuyển kiếp nữa, chớ chẳng hề vì Quỷ vương mà tiêu diệt cho đặng.

Mấy em đã rõ chưa? Để bữa khác Bản Đạo dạy thêm nữa. Bữa nay chừng đó cũng vừa đủ.

Mấy em ráng học nghe.

Bản Đạo chào mấy em.

THĂNG

2. LỄ NHẠC- 5 CÂY HƯƠNG

- *Thuyết Đạo của Đức Hộ Pháp tại Báo Ấn Từ trưa 1-8 Đinh Hợi (15-4-1947)*

Hôm nay bản Đạo giản về Lễ Nhạc nghĩa là gì?

Từ thử ai cũng cho âm thanh sắc tướng là tà nự, mà căn bản của Đạo Nho là Lễ Nhạc, mà chính Đạo Tam Kỳ là Nho Tông chuyển thể thì phải trung tâm nguyên lý của nó mà xác nhận cho đúng nghĩa là thế nào?

Đòi phen chúng ta không hiểu được nên thấy khi dâng lễ cho Chí Tôn, lúc “*Nhạc Tấu Quân Thiên*” hết lớp trống qua đến 7 bài thì lâu quá, có khi phải chồn chân rồi nản chí, chính Bản Đạo cũng vậy. Vì nghĩ rằng Chí Tôn tư vị quốc dân Việt Nam nên tiền định chi chi cũng là gương mẫu cho toàn đại đồng thể giới, mà có lễ nhạc này luôn luôn khi dâng lễ thì ý nghĩa ấy ác cao trọng là phải. Bởi có cho nên lúc mới khai Đạo, Bản Đạo đến tại Thánh Thất Thủ Đức của ông Thơ tạo lập, Bản Đạo không tin nên hỏi, Đức Lý Giáo Tông lại dạy rằng: “*Trên Ngọc Hư Cung có 2 câu liêu:*

Phía hữu: “Bát Hôn vận chuyển Ca Huỳnh Lão,

Phía tả: “Vạn vật đồng thanh niệm Chí Tôn”.

Bản Đạo không hiểu là gì, lần lần Bản Đạo lại hỏi nữa. Bản Đạo lại được dạy và hiểu rằng: Kể từ phiêu thai Càn khôn vạn vật này, Chí Tôn là khởi sanh quan biến

thành 2 khối sanh khí, 2 khối ấy tụ lại thành 1 khối rất lớn, tương hợp nhau mới nổ sanh tiếng Âm, người ta gọi là âm hay là tiếng ùm, Đạo Phật sửa lại là Ứm (úm ma ni bát ri hồng). Nhờ tiếng nổ ấy Bát hỗn mới vận chuyển biến thành vạn vật loài người. Tiếng ấy bay nghe đến đâu thì khí sanh quang đến đó, tức là có sống đến, bằng chẳng nghe được là nơi ấy tiêu diệt, nghĩa là chết mất mà thôi.

Bởi cơ nên dùng đến những vật cầu kỳ nó đã chết đi rồi, như cái trống là tấm da trâu đã chết đi rồi mà hiệp với sự khôn ngoan của loài người mà nó có tiếng kêu được tức là làm cho nó sống lại. Các vật khác cũng vậy, vật chất mà người làm cho nó sống lại được, nghĩa là Bát hỗn ấy vận chuyển sống lại mà đánh lễ trọng cho Chí Tôn.

Vì cơ nên khi Nhạc Tấu Quân Thiên là có âm thanh sắc tướng thật không hiểu là “*Phi Tướng Lễ*”. Chí Tôn qui Pháp định thấy và nghe trọn cả Bát hỗn vận chuyển dâng cái sống cho Người.

Nên chi từ đây khi Nhạc Tấu Quân Thiên chúng ta phải xem quý hơn dâng Tam Bửu, dầu phải lỡ đi nữa chừng trong Đền Thờ nghe đến đó phải đứng lại, cảm không đặng đi lộn xộn thì lễ ấy giảm điều trọng dâng cho Chí Tôn mà không nên. Khi ấy là vận chuyển cả Bát hỗn mà đánh lễ.

Vì cơ lễ nhạc ấy hiểu rõ lại thì Chí Tôn không phải tư vị nước Việt Nam mà là chính nghĩa là làm cho sống lại Bát Hỗn mà Ngài vẫn vui nhận lễ ấy.

Ấy vậy mới có thể làm chủ và gương cả toàn hơn loại được thì danh ấy không phải quá đáng sao?

Xin khuyên toàn Đạo từ đây nên để trọn tâm kính

trọng khi Nhạc Tấu Quân Thiên.

NĂM CÂY HƯƠNG

Từ thử Bản Đạo để cho các Nho gia muốn tự do giảng nghĩa sao thì giảng.

Còn Bản Đạo hiểu rõ là ngũ khí, Chí Tôn dùng ngũ khí mà biến thành ngũ hành vận chuyển cả Càn khôn tức là kim, mộc, thủy, hỏa, thổ. Mỗi chất đều có mỗi khí, mùi vị và sanh quan của nó chúng ta không thể hưởng, nghe được.

Nên chi làm lễ đốt đủ năm cây hương là đúng theo phép tín ngưỡng là qui Pháp lại, mỗi vật trong ngũ khí dâng lễ cho Chí Tôn chỉ có Người vui hưởng qui pháp ấy mà thôi.

Các nghĩa rõ rệt ra là ngũ khí đó vậy. Đúng hơn nữa là trong Bát hồn vận chuyển được là phải nhờ đến ngũ khí cũng một ý nghĩa với *vạn vật đồng thanh niệm Chí Tôn*.

Đạo Cao Đài là nền Đạo qui pháp, cả cái sống của Bát hồn mà dâng lễ trả cái sống khi mới phôi thai Càn khôn do nơi 2 khối sanh khí mà tạo thành. Ngày nay lại dâng lễ trọng cho Chí Tôn tức là phải qui Pháp cho khối sanh khí ấy, tức là Chí Tôn vui vẻ duy nhất là thấy trả sự sống lại cho Ngài.

Toàn Đạo nên trọn tâm xét hiểu nhiệm mầu Đạo lý ấy mà lần lần đoạt cho được chơn pháp của Chí Tôn.

3. BÀI DIỄN VĂN CỦA ÔNG GS ĐẠI BIỂU TRẦN QUANG VINH

(Đọc tại buổi tiệc rước Đức Hộ Pháp ngày 4–8 B.T (30
Aout 1946)

KÍNH ĐỨC HỘ PHÁP,

Sau khi năm năm phiêu lưu nơi hải ngoại vì chủ nghĩa thương đời, ngày nay một ngày đáng kể vào sử Đạo, Ngài đã để chơn về Tổ Đình. Tiểu chức xin thay mặt cho Hội Thánh Cửu Trùng Đài và toàn Đạo Nam Nữ để tỏ ít lời chúc tụng mừng rỡ Ngài, luôn dịp để dâng cho Ngài một ý nguyện chung của toàn sanh chúng, nhứt là trong buổi mặt đời biến đổi, tình thế phân vân, do cuộc tang thương hiện tại.

Kính Ngài, tiếng nói của tâm hồn nó có thật chẳng là khi trí não bị kích thích một cách quá ư mạnh mẽ do sự biến động của cơ hữu hình, hay là nói trái lại, khi xác định phải chịu dày bừa quá lễ trong cảnh điêu linh sâu khổ.

Về mặt Đạo cái khổ ấy lại là phần hơn, bởi thế từ khi vắng mặt Ngài, trong Đạo không một ai là không buồn thảm. Bất luận già, trẻ, lớn, nhỏ, nam, nữ khi gặp nhau nhắc nhớ đến Ngài và các bạn xa quê, thì trên khuôn mặt âu sầu, đôi dòng lệ chỉ nhìn nhau từ từ rơi xuống khoe miệng để thể cho lời nói... Điểm tô thêm thảm trạng ấy, cảnh Đạo điêu linh, kẻ còn người mất. Nhưng đó là ngày đã qua.

Chiếc thuyền từ của Đức Thích Ca há chẳng phao tuông trên bể khổ chứa đầy nước mắt mới độặng chúng

sanh.

Chúa Jésu há chẳng phải đổ từ giọt máu trên cây Thập Tự mới thành mối Đạo? ...

Cái tang chung ngỡ vực đã làm cho ủ rũ lòng người bấy lâu, nay bỗng biến thành một vị Thiên Tôn từ phương trời Phi Châu bay về Tổ Quốc. Vị Thiên Tôn ấy chính là Ngài, khối thương yêu vô tận của Đại Đạo mà cũng là nguồn hy vọng chan chứa của nhơn sanh.

Nhìn đặng tận mặt Ngài nơi đây tiểu chúc tưởng tượng hình như thấy được chiếc bình Bát Du của Đức Thích Ca trôi ngược dòng nước Ma Ha một cách huyền linh rực rỡ khi Người đã lập thành Phật Đạo. Vậ tiểu chúc xin dâng Ngài đóa hoa tươi nở này, nó là biểu hiện cho cả triệu quả tim của con cái Đức Chí Tôn cùng đang tươi nở cõi lòng để hiến cho Ngài mối tình thân ái yêu đương vô giá của Đức Chí Tôn đã đào tạo trong bao năm khổ hạnh.

Kính Ngài. Cái mừng vui của toàn Đạo đối với Ngài tràng trẻ, nương dựa nơi sự mừng vui ấy còn có một tiếng kêu đau thương tha thiết của tâm linh nó làm cho chúng tôi ái ngại xốn xang. Đó là tiếng kêu đau thảm của mặt đời vì hoàn cảnh hiện tại. Tiếng kêu đau thảm ấy có khi đã làm cho lay động lòng Ngài. Giữa trời Nam, ước mong rằng chiếc thuyền tử của Ngài sẽ vệt lối nguy nan làm cho nhơn sanh bớt khổ, thì Hội Thánh Cửu Trùng Đài và cả Nam Nữ nguyện đồng tâm hiệp lực cùng Ngài, theo Ngài từng bước một đặng đoạt mục đích cao thượng của Đạo là:

“Cõi thân làm mảnh áo tôi,

“Che mưa đỡ nắng cho đời nguy nan”.

Thì đâu phải quên cả vết thương lòng, chúng tôi
nguyện không hề thối bước ■

4. KỶ TÍN CỨU CHÚA

TRƯỜNG LƯƠNG ĐƯA KỶ TÍN VÀO RA MẮT HỒN BÁI CÔNG VÀ NÓI: “*KỶ TÍN MUỐN DỪNG KẾ ĐIỂN Phủ ngày xưa để thay thế chúa thượng trá hàng*”.

Bái Công lòng mừng khảm khởi nhưng giả bộ kinh ngạc hỏi: “*Không thể được, ngày nay chúng ta là những người đi mưu cầu đại sự, nghiệp cả chúa thành ta chúa thường ban ân đức gì cho chư tướng, lý đâu để Kỷ Tướng Quân phải chịu sự hy sinh như thế, ta đâu nỡ dạ*”.

Kỷ Tín phủ phục tâu: “*Thưa Chúa Thượng, nay việc đã gấp, cứu quân như cứu lửa. Nếu Chúa Thượng còn chần chờ tôi e không kịp nữa. Phận tôi là phải hy sinh cứu Chúa, xin bệ hạ chớ có lo âu. Nếu Thần có thác mà Bệ Hạ thoát khỏi vòng dây thì tên tuổi Thần sau này sẽ vững mãi với non sông. Xin Bệ Hạ chớ can ngăn Thần làm việc nghĩa ấy*”.

Thấy Kỷ Tín trung can, Hán Vương an lòng nhưng còn do dự. Kỷ Tín rút gươm ra nói rằng: “*Nếu Chúa Thượng chưa tin, tôi xin chết tại đây cho Chúa Thượng hiểu được lòng dạ trung kiên của Kỷ này*”.

Thấy vậy, Hán Bái Công biết Kỷ Tín hết lòng hết dạ với mình liền bước lại ôm chầm Kỷ Tín: “*Tướng quân cha mẹ có còn không?*”

– *Tôi cha nay đã mất chỉ còn một mẹ già.*

– *Đó chính là mẹ của Trãm, Trãm sẽ thay Tướng Quân mà phụng dưỡng vậy.*

Hán Bái Công lại hỏi tiếp: “*Tướng quân đã nên bề*

gia thất hay chùa?”

– *Thần đã có vợ.*

– *Đó chính là chị dâu của Trẫm, Trẫm sẽ cho cấp dưỡng châu toàn.*

Bái Công lại hỏi: “*Tướng Quân có con cái gì không?*”

– *Tôi chỉ có một con trai nhỏ.*

– *Đứa bé ấy chính là con trai của Trẫm, Trẫm sẽ nuôi dưỡng và dạy dỗ cho nó nên người. Trẫm xin thề với Tướng Công rằng Trẫm sẽ làm tròn ba nhiệm vụ cao siêu ấy để báo đáp ân nghĩa của Tướng Quân. Xin Tướng Quân vững dạ.*

Kỷ Tín liền thưa: “*Chúa Thượng có lòng thương lo lắng như thế, tôi nay thác đã an lòng*”.

Công việc đầu đó đã xong xuôi, Trương Lương và Trần Bình lo viết thư hàng. Trong thư Trương Lương đã khéo kể lại câu chuyện cũ và xin cho được toàn thân.

Hạ Võ sau khi nhận được thư liền ra lệnh cho Chung Ly Muội và Mật Bố: “*Đêm nay chúng sẽ hàng, ta phải phân thầy chúng ra để rửa hờn năm cũ*”.

Giữa lúc đó thì Trương Lương và Trần Bình lo sắp bày mưu kế để thoát thân. Kỷ Tín giả vua Hán mặc áo rồng, ngồi trên xe, chờ trời tối là thi hành diệu kế. Trời vừa chạng vạng tối, tiếng loa vang dậy báo hiệu mở cửa khai thành. Phía Đông cửa thành vừa mở, hơn 2000 mỹ nữ kéo ra, kể sau người trước. Quân hầu liền vào báo với Hạ Võ. Hạ Võ cười: “*Hán Bái Công là tên ham tầu sắc, đi đâu cũng có mỹ nữ cung tần, Phạm Tăng lại khéo lo xa*”.

Khi đoàn mỹ nữ ra quá nhiều quân Sở Bá Vương trông thấy thi nhau chạy đi tranh giành mà mất hết hàng

ngũ không còn chú trọng đến việc canh gát nữa. Thừa lúc ấy quan quân nhà Hán tẩu thoát về Thành Cao lo chuyện phục thù.

Đoàn cung phi mỹ nữ đi trước, xe của Kỷ Tín đi sau, khi đi ngang qua mặt Hạng Võ chẳng chịu đứng. Hạng Võ thấy thế giận quát to: “*Lưu Bang chết rồi à! Thấy ta mà chẳng xuống xe thì lẽ, chờ lâu xuống hay sao?*”

Quân hầu trông thấy lấy đèn rọi vào thấy Hạng Võ bất động hét lên: “*Phải Lưu Bang đó không?*”. Kỷ Tín đóng dặc trả lời: “*Ta là Kỷ Tín đây, chẳng phải Hán Vương đâu chớ vội mừng. Chúa Công của ta đã thoát khỏi thành này mấy tiếng rồi đừng hòng đuổi bắt làm chi nữa mất công. Chúa Công ta đã thoát nhứt định sẽ đem quân phục thù. Bức thư ban chiếu chính là bức thư trá hàng đó, thôi đừng nuôi mộng ảo huyền vô ích*”.

Quân Sở liền đem chuyện thưa cùng Hạng Võ về những lời lẽ của Kỷ Tín vừa rồi. Hạng Võ giận lắm và cất tiếng than: “*Lưu Bang trốn đi thật dễ, còn Kỷ Tín chịu mạng cứu vua, ôi! Thật khó thay. Đó mới thật là đáng trung thành nghĩa khí. Trẫm chưa thấy ai phục dưới chơn Trẫm mà có hành động can trường như Kỷ Tín vậy*”.

Nói xong Hạng Võ cho Bồ Lai dụ hàng: “*Nhà người đã dám thế mạng cho Lưu Bang thật là một người liệt sĩ. Hành động này đã được Sở Bá Vương cảm mến nên không muốn giết. Người nên xuống xe lạy tạ Sở Bá Vương người sẽ được hậu đãi*”.

Kỷ Tín tức giận quát to: “*Ta là một kẻ tôi trung, nhứt định không thờ hai chúa. Ta là tướng nhà Hán, sống ta giúp cho Hán, chết ta nguyện làm quỉ Hán bang. Chúng*

bây cho dùng miếng đĩnh chung hồng làm cho lòng ta đổi dạ. Cứ giết ta đi”.

Sở Bá Vương biết không tài nào dụ được nên cho quân nổi lửa đốt xe. Lửa cháy rất mạnh mà Kỷ Tín vẫn không ngớt lời mắng nhiếc Hạng Võ. Lửa đã cháy xong, chiếc long xa giờ đây chỉ còn là một đống tro tàn, mang theo cả hình hài của một vị anh hùng trung liệt họ Kỷ...

■ *(Trích trang 139-143 Đạo Đức Cổ Nhân của Nguyễn Hữu Trọng)*

5. SỰ OAI NGHIÊM CỦA ĐỨC LÝ

- *Thuyết Đạo của Đức Hộ Pháp tại Đền Thánh đêm 17-8 Quý Tỵ (1953)*

DẼM NAY LÀ NGÀY VÍA CỦA NHỨT TRẤN OAI NGHIÊM KIÊM GIÁO TÔNG ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ.

Đức Giáo Tông chúng ta lấy làm hân hạnh nhờ ơn Đức Chí Tôn ban cho chúng ta một người Anh Cả Thiêng Liêng hiển linh quyền năng vô đối, Bản Đạo nhớ lại buổi bang sơ mới khai Đạo, thật ra Bản Đạo không có đức tin gì hết, không có tin đến nước Đại Từ Phụ tức cười. Ngài đến nhà Bản Đạo năm Ất Sửu dạy cả mấy anh lớn ngày nay là Chức Sắc của Đạo, đi đến mọi nhà, thật ra Đức Chí Tôn đến thăm đến viếng mọi con cái của Ngài. Bản Đạo không đức tin gì hết, nghe nói Tiên giảng đi theo nghe chơi, làm cho Đại Từ Phụ phải tức cười. Ngài cho bài thi ai nấy cũng tốt, duy có bài của Bản Đạo rất dị hợm như vậy.

Thi:

*Ngao ngán không phân lẽ thiệt không,
Thấy thẳng áp út quá buồn lòng.
Muốn giàu Thấy hứa đem cho của,
Cái của, cái công phải trả đồng.*

Đại Từ Phụ còn thêm hai chữ “*nghe con*” cho đến bảy tháng xuống ở Thủ Đức, năm thiên hạ bệnh chướng, khi không khởi phù mình rồi chết, nhưt là tại Thủ Đức, lâm bệnh nhưn quá chừng, Đức Chí Tôn bảo xuống Thủ

Đức cứu bịnh cho họ trong bảy tháng, xuống ở Thánh Thất của Đạo, nhờ Đức Lý giảng dạy với ngòi bút, trọn bảy tháng trường mới biết Đạo. Có cái hay hơn hết là những điều gì Ngài dạy trong cơ bút là những sở hành trong kiếp sanh của Bản Đạo.

Bản Đạo làm chứng một Đấng mà Đức Chí Tôn đã lựa làm Anh Cả của chúng ta linh hiển lạ lùng, không cần lập đi lập lại, đối với chức sắc tất nhiên cả Thánh thể của Đức Chí Tôn. Bản Đạo cốt yếu nói với toàn cả con cái của Ngài Nam Nữ lưỡng phái phải định tâm và kiên cố đức tin của mình. Các việc Đức Chí Tôn tiên tri, Bản Đạo vừa nói từ từ, nói đủ hết. Bản Đạo thú thật nhờ cái linh hiển của Ngài, nhờ Ngài giáo hóa nên Bản Đạo hôm nay được khởi đức tin mạnh mẽ to tát. Nếu không có nhờ Anh Cả vô biên linh hiển ấy chắc là phận sự yếu trọng của Bản Đạo hôm nay chỉ mơ hồ, đức tin yếu ớt, thiếu đức tin thiếu cương quyết, thiếu tâm Đạo vững chắc.

Bản Đạo tưởng nếu ba điều ấy thiếu thì nên chơn giáo không được nên hình như thế này. Cả thầy con cái Đức Chí Tôn đều biết không có nền chơn giáo nào chỉ có hai mươi mấy năm mà đặng bành trướng, danh thể của nó cao trọng truyền bá một cách mau chóng như nền Đại Đạo Cao Đài của Đức Chí Tôn.

Hôm nay Bản Đạo chứng chắc quả nhiên như vậy, cái năng lực của Đạo hôm nay được như thế là nhờ Đức Lý Đại Tiên cầm quyền Thiêng Liêng vô đối, nhờ anh cả của chúng ta là Đức Lý Giáo Tông điều khiển quyền năng vô hình của Ngài.

Bản Đạo hôm nay mới được cái quyền và năng lực bành trướng như thế này. Có một điều Bản Đạo dặn trước,

những kẻ tưởng Ngài vô hình coi chừng Ngài trừng trị, những kẻ nào phạm nhảm Thiên Điều, Bản Đạo dám quả quyết khó tránh nơi tay của Ngài.

Các con cái Đức Chí Tôn coi Ngài rất công bình. Ngài dạy:

Phải lập công, lập đức, lập ngôn, tức nhiên là “*Tam Lập*” Ngài rất công bình, rất oai quyền, Thiên vị chúng nhờ Ngài bảo vệ không thể vì sơ sót.

Đức Chí Tôn coi Ngài cũng như một vị tướng soái, oai quyền của Ngài lớn lắm. Ở nơi Ngọc Hư Cung quyền của Ngài yếu trọng vĩ đại to tát lắm.

Cả con cái của Ngài cũng nên tin nơi Ngài, mong mỗi nơi Ngài, để cả ước vọng và đức tin nơi Ngài.

Bản Đạo xin khuyên một điều: lớn nhỏ phải yên tâm giữ Đạo, đừng sơ sót chút là đừng có ý công khi lịnh, coi chừng Ngài. Ngài trừng trị một cách oai quyền, trước mắt Bản Đạo đã thấy, hai mươi mấy năm lập Đạo cùng Ngài, Bản Đạo quả quyết như vậy.

Chúng ta hãy để trọn đức tin nơi Ngài, một Đấng công chánh oai quyền, nhưng rất yêu ái. Chúng ta được Ngài bảo vệ cho thật là một sự an ủi vĩ đại trong kiếp sanh của chúng ta đó vậy. ■

6. BÀI GIẢNG CHỮ “HÒA” TRONG LÝ NHẠC CỦA ĐỨC CHÍ TÔN

➤ Ngày 24-3-1929 (al 14-2-Kỷ Ty)

THẤY

THẤY MỪNG CÁC CON.

Từ ngày Thấy hứa cùng các con rằng: Thấy cho bài giảng HÒA thì các con có lòng mong mỏi, nhưng kẻ phò loan chẳng đặng trọn thân. Nay Thấy cho lần lần vấn đề, về câu trường nhạc dĩ vi lạc... nghe các con.

*Đêm thanh vắng lên dây trời nhịp,
Khả năm âm cho hiệp cùng nhau.
Chớ phân tiếng Thổ tiếng Bào,
Thạch Kim với Mộc hòa vào mới vui.*

*Giữ tư trước thêm mùi du thủy,
Cách sơn xuyên hòa mỹ nương nhau.
Xưa kia đều khách Thiên Tào,
Nay đây cảnh tục tranh cao lợi quyền.*

*Quyền chi đó, tiền duyên đành mất,
Lợi gì đâu mà thất đạo tâm.
Chẳng so như bực thú cầm,
Hồ bi thổ tử, nghĩ thâm thương nhau.*

*Vì thương thế, xuống trần dạy bảo,
Dẫn các con hườn đáo cứu ngôi.
Than ôi! Thế tục suy tối,*

Đường Tiên thì lánh, ưa mùi vinh hoa.

Hoa ấy rụng, tòng già chẳng rụng,

Vinh nọ mòn, bá chợt màu tươi.

Sầu than gấm lại buồn cười,

Chê người đạo đức, khoe người dai cân.

Cân ấy tội côi trần là khổ,

Đai kia là hình nội Phong đô.

Khuyên con khá lánh mê đồ,

Cùng nhau dìu dắt giảng phô việc lành.

Dạy cả thầy nhưn sanh tỉnh tánh,

Lấy từ bi mà lánh sân si.

Toan lo cho Đạo kịp thì,

Đỡ nâng nhưn loại chung qui một trường.

Trong tám tiếng phân tường giai cấp,

Giọng Cung Thương cao thấp tùy nhau.

Giốc Chủy Vũ hiệp thanh tao,

Lục căn Lục lữ phân sao cho đều.

■ (Trích Tài liệu Ban Nhạc của Nhạc Sư Trần Thiện Niệm)

7. SUỐI VÀNG NÚI ĐIỆN BÀ & SUỐI NGÂM LỤC LONG PHỒ ẨN NẴM DƯỚI LÒNG ĐẤT

THẮC HẮN KHÔNG MỘT NGƯỜI VIỆT NAM NÀO KHÔNG TỪNG NGHE NÓI ĐẾN NÚI ĐIỆN BÀ HAY núi Bà Đen ở tỉnh Tây Ninh. Núi này cao 884m, hai bên có hai hòn núi Cậu và núi Heo, cách tỉnh Tây Ninh 11 cây số, đã có từ thời xa xưa. Biết bao chuyện linh thiên huyền bí được truyền tụng tại đây. Trong thời bình, du khách bốn phương chẳng ngớt đến viếng cảnh, càng tạo thêm cho núi Điện Bà một sắc thái tôn nghiêm kính cẩn. Và nơi đây nghiêm nhiên là nơi linh sơn thắng cảnh, non thiên đất phước.

Trong các điều lạ của núi Điện Bà, có chuyện “*Suối Vàng*” và suối ngầm Lục Long là đáng cho chúng ta quan tâm suy nghiệm hơn cả.

Chúng ta được biết cách đây 30 năm, có một nhà khảo cứu về địa chất học, người Nhật Bản, tìm lên núi Điện Bà quan sát cảnh vật. Được sự hướng dẫn của tu sĩ Nhất Thiện, ông rảo thăm các nơi hang sâu động thẳm, lội suối băng rừng, nghiên cứu kỹ càng và tỉ mỉ, ghi chép từng nơi đã đi qua. Thấy ông có vẻ say mê học hỏi, khảo nghiệm, tu sĩ Nhất Thiện hướng dẫn ông đi qua phía bên kia núi, hầu tìm hiểu về “*Suối vàng*”.

Vừa đến khe suối, tu sĩ Nhất Thiện bảo khách:

– Đây là địa điểm “*Suối vàng*”, một hiện tượng khá lạ lùng ở Tây Ninh.

Nhà địa chất học Nhật Bản nghe nói có hiện tượng lạ, ra về thích thú, dùng chân bên khe suối, quan sát cảnh vật chung quanh, rồi lặn đến suối, thử khoát nước rửa mặt. Vốc nước trong bụm tay, lóng lóng lánh ánh vàng. Và trong ra kia khắp trên mặt nước, cuộn theo dòng suối, có lợn vàng lan tỏa. Ông lấy nước đem ra khảo nghiệm, vui mừng tuyên bố:

– Quả là chất vàng, gọi tên “*Suối Vàng*” là đúng đấy. Vàng này còn non, nước Việt Nam quả là đất phước, trong tương lai sẽ có một mỏ vàng vô tận. Nay mỏ vàng này chưa đến tuổi, không khai thác sớm được. Chờ độ 50 năm, 70 năm nữa, vàng đúng tuổi rồi kết tinh lại, chùng ấy Việt Nam có mỏ vàng, hẳn là dân giàu nước mạnh.

Thế rồi sau cuộc khảo sát suối vàng núi Điện Bà, nhà địa chất học ấy có lấy đem về một bao nhỏ để khảo nghiệm thêm.

Câu chuyện núi Điện Bà có mỏ vàng do một nhân chứng giữa tu sĩ Nhất Thiện, từ đó đến nay vẫn còn giữ kín chưa ai nói đến.

Các khách du sơn cũng như người địa phương lên viếng núi Điện Bà, vẫn thường nghe thấy về câu chuyện Suối Vàng là có thật. Chính nhiều người mục kích mặt vàng trôi lơ dờ dưới mặt nước, bèn xuống hết lên xem thử. Nhưng khi vốc nước lên tay, không còn thấy sắc vàng ngời chiếu, còn ở dưới nước thì vẫn sáng chói theo sóng nước, phản chiếu óng ánh như kim cương.

....

Cách nay trong vòng 5, 10 năm, cũng có một sĩ quan Nhật Bản đến viếng Tòa Thánh Tây Ninh, với ý niệm tìm

tôi, nghiên cứu cuộc đất lạ, có tiếng là linh. Vị sĩ quan này cùng một vị tu sĩ am hiểu về địa lý rất nhiều. Ông đến qua sát nơi châu vi Tòa Thánh. Sau đó ông tiết lộ dưới lòng đất từ Nội ô vô tới dưới núi Điện Bà, thẳng ra Ao Hồ, có một cái suối ngầm chảy qua 6 ngõ là “*Lục Long kết tu*”. Trong tương lai vùng đất này rất phát đạt về mặt Đạo pháp cũng như nhân tài đều qui tụ về đây. Vị sĩ quan này chỉ tiết lộ như thế. Chúng tôi may mắn được một vị kỳ lão không phải là người trong Đạo, có dịp đi với vị sĩ quan này, ghi chép và thuật lại cho chúng tôi rõ như trên.

Ngoài ra chúng tôi chưa được nghe một vị chức sắc nào trong Đạo nói cả. Nhưng chúng tôi tin chắc rằng, một nơi mà Đấng Thiêng Liêng đã từng chỉ định dùng làm nơi khai sáng Đạo Cao Đài, hiển nhiên phải có sự lạ lùng kỳ bí mà mắt phàm chúng ta chưa thể thấu hiểu nổi. Phải chờ cơ duyên đến lúc, chừng ấy mọi việc đều sáng tỏ. Thịnh danh vùng Thánh Địa Cao Đài hẳn thêm vang dội.

Trên tinh thần vô tư, chúng tôi xin thuật câu chuyện trên đây như một giai thoại sống thật, để hiến quý bạn đọc hiểu thêm vấn đề non linh đất đất phước đã từng kết tu khí thiên non nước ra sao. Rồi trong tương lai hẳn sẽ có những lời giải đáp chân xác.

■ *(Trích Tây Ninh Xưa và Nay của Huỳnh Minh từ trang 174-177)*

Chúng tôi xin trích một đoạn Thánh giáo của Đức Lý giải thích về việc cất Tòa Thánh tại nơi Lục Long phồ ẩn:

➤ Ngày 24-2-1927 (al 23-1-Đinh Mão)

THÁI BẠCH

LỠ CHỮ ĐẠO HỮU, CHỮ ĐẠO MUỘI.

Lão khen Thái Thơ Thanh, phải đó đa không, tưởng chữ hiền hữu không thấy nữa.

Lão cắt nghĩa vì sao cuộc đất ấy là Thánh Địa: Sâu hơn 300 thước, như con sông giữa trung tim đất giáp lại trùng giữa 6 nguồn làm như 6 con rồng doanh nhau, nguồn nước ấy trùng ngay đỉnh núi, gọi là **Lục Long Phò Ấn**. Ngay miếng đất đó dựng ba đầu, một đầu ra giếng mạch Ao Hồ, hai đầu nữa bên cụm rừng bên kia.

Người Lang sa chỉ đòi 20 ngàn, nói rồi trả đúng có 15 ngàn. Lão dặn trả thành 17 ngàn, 18 ngàn thì dựng vậy.

Còn xin khai khẩn miếng đất rừng bên kia nữa mới trọn.

Đất nay còn rẻ, miếng đất chung quanh Thánh Địa ngày sau hóa vàng.

Chữ hiền hữu biết lo lập, ngày sau rất quý báu.

THẮNG.

■ (Trích Đạo Sử quyển II trang 225)

8. CHÍ TÔN XUỐNG TẠI THẾ

➤ *Thuyết Đạo của Đức Hộ Pháp (đêm 30-7 Đinh Hợi)*

Hôm nay bản Đạo giảng về “CHÍ TÔN XUỐNG TẠI THẾ”.

Giảng đây nói về sự hiển nhiên, một cơ là các báo trên toàn cầu đã đăng và khi ấy có vi bằng kiến chứng, vậy không phải ngẫu nhiên.

Các tôn giáo bất kỳ ngôn ngữ nào, nếu đề nghị về vấn đề ấy tức là nói đến Đạo La Mã là một tôn giáo tối cổ, lấy sự tích Chí Tôn giáng trần lần đầu tiên gọi là nhứt thế. Chí Tôn là Brahma (Tàu dịch là Bà la đa) đến thành Tibet trách trú gọi là La Mã. Ấy là một tôn giáo tối cổ. Bản Đạo sẽ thuyết từ nơi xứ Tibet đến đền La Mã.

Qua 10.000 năm rồi, Đức Chí Tôn mỗi 50 năm đến đó một lần, đến với hình thể chớ không phải Chơn linh như Ngài đến với chúng ta ngày nay. Việc này đã được toàn cầu đăng trên khắp mặt báo.

Khi Đảng cộng sản nổi lên đánh đổ đế quyền Nga, các Vương Hầu Khanh Tướng cũng bị giết. Vị Hoàng Đế thuộc dòng Bạch Nga bị cộng sản giết trong lúc đảo chánh quyền. Có một vị Hoàng Thân chạy thoát đến lánh nạn ở Tibet, nhờ lòng Đạo đức của dân Ti bé tan. Các quan công thần phò vị hoàng thân đến đền Tibet ở trong chỗ mà loài người bởi La Mã bị trị chớ không phải thế trị. Nhờ đức Đa lai Lama bảo bọc nuôi dưỡng. Lòng ái quốc ưu quân đã giúp vị Hoàng Thân ấy thoát nạn cùng

gia đình thân tộc.

Khi đến Đền Thánh được trọng đãi, trong 10 bữa vẫn an vui, nhưng lòng hoài cố vẫn cứ đeo đuổi theo mãi, phần thương vua, phần nhớ nhà, Ngài mới vào yết kiến Đại Sư. Đức Đa lai Lama thấy sắc diện đoán biết tâm bệnh của Ngài mới ngó ngay nói: “*Kỳ Đức Chí Tôn đến ngự như đã hẹn, khuyên Hoàng Thân ráng đợi vài tháng Chí Tôn sẽ đến, nếu các Ngài thấy Chí Tôn, Ngài sẽ được an vui lạ thường*”. mấy vị Công Hầu ở đó trước 2 tháng rồi có hỏi Đức Đa lai Lama: “*Chí Tôn đến cách nào và hình thế ra sao?*”

– Trả lời: Các Ngài muốn biết, cứ đợi đến chừng đó sẽ thấy biết, chỉ xin căn dặn có một điều, chung quanh Đền Thánh có treo những thanh chung, chừng nào những thanh chung đó ré lên là Chí Tôn đến vậy.

May thay các vị Vương Hầu vì tánh tọc mạch muốn biết, đã vào chờ trước trong Đền Thánh. Khi tất cả thiên hạ vào cúng rồi thì tất cả thanh chung đều khua, các bậc Đại Sư quì niệm. Mấy vị kia cũng quì nhưng cố lóng tai thì nghe từ ngoài xa dường như có nhiều tiếng chân ngựa nhịp nhàn đến trước Đền thì dứt.

Chí Tôn từ từ vào, đến ngồi trên cái ngai để sẵn chờ Ngài trong Đền Thánh. Các vị Công Hầu ấy hết sức kinh khủng, chư vị Đại Sư thì quì mọp, mà họ chỉ quì nửa chừng, mắt liếc dòm theo. Hình ảnh Chí Tôn đẹp vô cùng, không bút mực nào tả được, hào quang của Ngài rọi sáng khắp đền.

Cứ thường lệ là mỗi 50 năm Ngài đến một lần, tiên tri những hành tàng trong 50 năm sẽ tới. Bài tiên tri ấy

Bản Đạo mới đọc, không nhớ trong Cao Đài Giáo Lý hay sách nào, Bản Đạo sẽ tìm lại đọc cho toàn Đạo nghe.

Mấy người ấy thấy Ngài đứng theo trong tờ kết chứng vi bằng, nghe tiếng Ngài nói, nghe Ngài giảng Đạo. Khi Ngài giảng Đạo rồi, chư vị Đại Sư bái lễ xong thì hình ảnh Chí Tôn biến mất, đồng thời ánh hào quang cũng mất. Những người ấy vẫn chưa tin, mượn cái đèn đem đến chỗ cái ngài thì thấy còn in dấu vết ngồi trên nệm nhung.

Dầu Đức Chí Tôn đã đến Đền Thờ đã thờ Ngài 5.000 năm, trải qua 10.000 năm Ngài ban ơn tại mặt thế này.

Trên thế giới có 3 đền thờ Chí Tôn:

- 1.- Đền Thờ La Mã (Tibet)
- 2.- Rome
- 3.- Cao Đài chúng ta mới lập đây.

Đã 2.000 năm, đền thờ Rome Chí Tôn chưa ngự đến, hỏi tại sao? Ta có thể nói tại Rome thờ không đúng.

Chúng ta để sở vọng ước ao, nhờ Chí Tôn thường đến với chơn thân, vô hình chung cơ bút dạy Đạo tại đền La Mã thế nào thì chắc chúng ta cũng đặn ban ơn chừng ấy. Duy dân Ti bé tain họ được hạnh phúc kiến diện Thiên Nhan, còn chúng ta chưa. Ước ao toàn sắc dân yêu ái nhứt tâm, nhứt đức, giữ hiếu cùng Ngài, giữ trung cùng Đạo, may ra sau này sẽ có Ngài ngự thì hạnh phúc ấy sẽ có Ngài tạc sử sanh để ngàn đời như đền La Mã.

Hỏi ta được ân ấy chăng? – Được, mà kíp hay chầy do tâm đức của nòi giống Việt Nam sẽ là ấn chứng toàn tâm hồn loài người thì mới mong mỗi được hòa bình thế giới đại đồng ước mong thế nào được mau sớm. Người

ta 15.000 năm, không chắc gì ta được sớm, xin dân Việt Nam mà Ngài nhìn là con yêu dấu, được đủ đầy Đạo đức như dân Ti bé tain thì mới được ân thâm trọng ấy; nếu không đặng như thế, sẽ trễ nãi khó thấy đặng Chí Tôn thì cái hại còn lâu. ■

9. TÍCH: LÝ TRƯỜNG CANH & LÝ NGƯ TINH (CON CÁ ÔNG)

➤ *Thuyết Đạo của Đức Hộ Pháp tại Báo Ân Từ ngày 29-5-Canh Thìn (dl 4-7-1940)*

TÓ NHƠN NGHĨA MỚI GỌI LÀ THƯƠNG YÊU CHƠN THẬT, NẾU KHÔNG CÓ NHƠN NGHĨA LÀ THƯƠNG YÊU GIẢ ĐỐI.

Đức Chí Tôn buộc con người phải thương yêu, nhơn nghĩa theo Thánh ý của Đức Chí Tôn mà thôi.

Nhắc tích: Lý Trường Canh và Lý Ngư Tinh là hai anh em bạn đồng mến với nhau, hằng ngày ở nơi núi hải đảo mà tu niệm. Một ngày kia Đức Quan Âm tính xuống rước hai người về Tây phương, mới giả là một người đàn bà chèo chiếc ghe nhỏ đi bán hoa quả, chèo ngang qua núi hải đảo rồi rao lên bán.

Lý Trường Canh muốn tu mà thoát kiếp thì thôi chớ không cần ăn uống chi cả. Lý Ngư Tinh chịu không nổi, mới kêu lại mua ăn, thì Đức Quan Âm hiện hình tại nơi đó mà rước Lý Trường Canh là Lý Giáo Tông đem về Tây phương; còn Lý Ngư Tinh bị ăn mà thành ra con cá ông ở dưới biển.

Về trên, Lý Giáo Tông mới kêu nài cho Lý Ngư Tinh, thì Đức Phật Như Lai cho Lý Giáo Tông một đồng tiền điếu, biểu xuống cột câu Lý Ngư Tinh.

Lý Giáo Tông câu, Lý Ngư Tinh chạy lại ăn. Đức Lý Giáo Tông mới đem về cho Đức Phật Như Lai. **Quái**

lạ, về đến đó mà còn ngậm đồng điều ấy trong miệng mãi. Đức Phật Như Lai nói: Cái tánh tham của người cho đến đổi mà cũng không chừa.

Đức Phật quở một câu mà phải trở xuống biển làm lại con cá ông cho đến bây giờ. ■

10. NHỮNG HUYỀN THOẠI VÙNG NÚI BÀ, NÚI CẬU TÂY NINH

1.- NGỌN ĐÈN HỒN TỬ SĨ HAY LÀ LÃO BỘC HUỲNH TRUNG

Ngược dòng lịch sử, năm Mậu Tuất 1778, Chúa Nguyễn Phúc Ánh khởi nghĩa đánh Tây Sơn.

Qua năm 1780, quân lính Chúa Nguyễn Phúc Ánh chiếm giữ Phiên An Trấn, tức là Gia Định bây giờ. Nhưng quân Chúa Nguyễn Ánh chỉ giữ được đất Gia Định trong ít lâu rồi bị lực lượng Tây Sơn đánh bại.

Lực yếu, thế cô, Nguyễn Ánh cùng một nhóm Cần Vương bỏ đất Gia Định chạy về phía Bắc với núi rừng trùng điệp. Trên bước đường lặn lội, chúa tòi nhà Nguyễn lạc lối vào cảnh rừng sâu nước độc, mà lịch sử ghi nhận đó là vùng núi Điện Bà, tức núi Bà Đen.

Không lâu đài dinh thự, không cận thần áo cao mũ rộng mà chỉ có tình nghĩa Chúa tòi đồng tâm nhứt dạ, mỗi khi Nguyễn Ánh nhóm họp triều thần, chỉ tập trung trên cánh đồng cỏ hoan ở nơi rừng thẳm. Đồi sau, dân gian truyền khẩu nơi đó là Sân Châu. Vị trí lịch sử cách mạng của Nguyễn Vương hiện nay nằm trong xã Lộc Ninh, cách tỉnh Tây Ninh khoảng 30 cây số về hướng Đông.

Thuở lao đao lặn lội trên đường chiến đấu ấy, trong đoàn quân vận chuyển của Nguyễn Ánh có một vị lão bộc tên Huỳnh Trung. Vị lão bộc này có phận sự chăm lo về ngựa, bò để dùng vào việc vận chuyển lương thực.

Một hôm đoàn xe bò vận chuyển lương đến một ổ trường rừng, gọi là Trường Hồng Đào, cách núi Bà Đen 4 cây số, lão bộc Huỳnh Trung lâm bệnh mà chết. Vì việc chuyển binh gấp rút, nên thi hài lão bộc được vùi nong

bên trường Hồng Đào.

Từ đó đến nay đã hơn trăm năm, khách dạ hành có việc đi qua xóm Độn đến chân núi Bà Đen thường bắt gặp một hiện tượng huyền bí. Đó là ngọn đèn, được gọi là đèn Thần đưa lối khách xuyên đêm.

Khách hộ hành đi xe ngựa hoặc đi xe đạp, dù chạy nhanh hay chạy chậm, lúc nào cũng nhìn thấy phía trước cách trước mặt khoảng 50 thước có một đóm lửa đèn. Nếu khách ngừng, ngọn đèn dừng lại như đợi chờ. Khách đi chuyển, ngọn đèn cũng di chuyển giữ khoảng cách 50 thước.

Khi đi gần đến chân núi Bà Đen thì ngọn đèn vụt biến mất. Rồi khi khách rời núi trở về Tây Ninh, lúc đến xóm Độn, ngọn đèn hướng dẫn trước mặt cũng biến như khi đưa đến núi.

Trải qua bao nhiêu tuế nguyệt, những bậc kỳ lão và dân chúng địa phương truyền nhau rằng, đóm đèn thần kia chính là đóm lửa hồn của lão bọc Huỳnh Trung. Dù bất hạnh mất đi trên dọc đường chiến đấu theo Chúa Nguyễn Ánh, nhưng hồn tử sĩ vẫn bừng sáng thiên thu, giúp đỡ người đi trong đêm đờ sai đường lạc bước.

2.- ĐẠO BINH VÔ HÌNH Ở VÙNG NÚI CẬU TÂY NINH

Núi Cậu cách tỉnh lỵ Tây Ninh 12 cây số ngàn. Muốn đến núi Cậu chúng ta phải đi đường lên Cà Tum, ngã đến suối vàng.

Đây là vùng núi non huyền bí, nhiều bô lão và đồng bào ở Tây Ninh ngày nay còn nhắc đến những hiện tượng lạ ở vùng núi Cậu.

Cách nay 40 năm, dân chúng ở vùng núi này thường

thấy một Đạo binh xuất hiện trên núi mỗi tháng vài ba lần và liên tục khoảng 15 năm như vậy.

Đạo binh thường xuất hiện vào đêm. Vị chỉ huy oai phong lẫm liệt, lưng giắt gươm trần, lính thì đội nón gõ hàng ngũ chỉnh tề, bước đi ăn rập nhịp nhàn, đèn đuốc sáng choang, tiếng reo hò vang dội.

Hiện tượng xảy ra, mọi người trông thấy rõ ràng như vậy chớ không phải chuyện đồn đãi hoang đường.

Theo truyền thuyết, người ta cho đó là Đạo âm binh của cố Tri Phủ Huỳnh Công Giản khán Miên ở cánh đồng Trà Vông, mà lúc bấy giờ nhân dân gọi là Quan Lớn Trà Vông.

Trên núi này có miếu thờ Quan Lớn Trà Vông, đồng bào trong vùng rất tin tưởng và kính sợ oai linh của Ngài.

Từ xưa tới nay, những vị anh hùng trung quân ái quốc, sanh vi tướng, tử vi Thần, và các chiến sĩ tận trung hy sinh cho Tổ Quốc, lúc thác rời hồn vẫn linh thiêng.

Các hiện tượng Đạo binh ma xuất hiện như vậy, chẳng riêng gì nước Việt Nam ta, mà cả khắp thế giới đều có.

Chúng ta có đọc quyển sách viết thuật lại viên Thuyền Trưởng trên thương thuyền đang lướt sóng thẳng đương, bỗng thấy phía trước có một chiếc tàu binh, hình thức là loại tàu cổ. Trên chiến thuyền có vị chỉ huy và thủy thủ đang hoạt động.

Tương truyền đang lo tránh né sợ tàu va chạm nhau, nhưng rồi trong vài tiếng đồng hồ, tàu kia mất dạng, biến cả bao la, mà nhìn chẳng thấy đâu cả.

Các hiện tượng huyền bí như vậy quả thật có xảy ra, nhưng khoa học cũng đành không giải thích được.

Trở lại vấn đề Đạo binh vô hình ở Núi Cậu Tây Ninh, việc xuất hiện của Đạo binh làm cho dân chúng trong lúc ấy rất tinh tưởng oai linh của vị anh hùng trung quân ái quốc, chống giặc Miên để giữ gìn bờ cõi nước nhà.

Từ sau năm 1945, dân chúng vùng Núi Cậu tản cư đi rất nhiều và từ đó người ta không còn thấy Đạo binh xuất hiện nữa.

3.- DẤU CHƠN ÔNG KHỔNG LỔ TRÊN NÚI, TẢNG ĐÁ NẪM TRÊN NGỌN CÂY DẦU TRẠI BÍ

Tây Ninh là đất thiêng, có nhiều chuyện lạ trải qua hằng mấy trăm năm hãy còn.

Lúc nhỏ chúng tôi nghe đồn rằng trên Núi Điện Bà có một dấu chân lớn của ông Khổng Lổ, từ ngàn xưa còn in sâu ở đó.

Việc này đồng bào tỉnh Tây Ninh ai cũng biết, nhưt là những vị tu hành thường đi viếng Núi Điện Bà trong lúc đất nước thanh bình, có đến xem dấu chân lún trên mặt đá.

Mấy mươi năm về trước, chúng tôi cũng tìm đến nơi để quan sát nay có dịp thuật lại để cống hiến bạn đọc, nhưt là bạn đọc ở xa.

Vào năm 1930, do người hướng dẫn chúng tôi lên núi. Cỏ cây chen lá, lá chen hoa, lối đi vất vả, mất mấy tiếng đồng hồ, chúng tôi đến trước chùa Linh Sơn tìm tảng đá lớn và nơi đó có in một dấu chơn rất to lún xuống, thấy rõ đủ 5 ngón. Từ ngón cái ra gót chơn, tức là bề dài bàn chơn, dài lối 5 tấc. Bề sâu lún xuống mặt đá độ 2 phân,

tháng mưa nước đọng lại.

Đây là một dấu lún tự nhiên chớ không phải có người đục đá để làm một chuyện “*mỹ thuật ma giáo*” hầu có hậu ý gì.

Chúng tôi cũng theo chơn một hướng dẫn viên để đến Trại Bí, hầu có quan sát tảng đá ngàn cân vướng trên chân ba “*cây dầu cổ thụ*”.

Từ tỉnh lỵ Tây Ninh, chúng tôi đi theo quốc lộ 22. Trãi qua 22 cây số ngàn đến Trại Bí (vùng này thuộc về khu vực vùng cấm). Ngày xưa đồng bào thường vào đây bứt mây, đốn củi, lấy chai.

Chúng tôi thấy một cây dầu to lớn, cao chừng 20 thước, bề tròn lối 3 người ôm không giáp. Cây cổ thụ này có từ mấy trăm năm nay, cành lá vẫn xanh tươi.

Bề cao lối nửa thân cây, có một cái chân ba. Giữa cái chân ba có một tảng đá rất to, sức nặng ước chừng trên 1.000 cân.

Tảng đá ấy nằm trên đó không biết bao nhiêu đời. Ai đi đến nhìn thấy đều cho là việc hy hữu của thế gian. Chính các khoa học gia cũng đành khoanh tay chịu phép không giải được hiện tượng kỳ bí ấy.

Nếu tảng đá đó nằm dưới đất, chưa chắc 5, 3 chục người lực lưỡng xô dịch nổi. Vậy thì nó làm sao nằm được ở trên giữa chân ba cây dầu. Theo truyền thuyết của những người địa phương thì sự việc ấy nằm trong huyền thoại này:

Ngày xưa có một vị Thần Linh vô cùng to lớn, mà người ta gọi là ông Khổng Lồ.

Ông Khổng Lồ có người vợ trẻ, mà nàng rất ít khi

nghe lời ông. Ông thường dặn vợ, nếu ông đi vắng thì ở lại động trên núi chờ ông chớ đừng đi đâu cả.

Nhưng trưa nay ông đi vắng, và lúc trở về bà vợ không có ở núi Điện, có lẽ đi hái hoa quả ở đâu đó.

Ông mới bước đi tìm vợ, một chơn ông đứng ở Núi Điện Bà, một chơn bước qua bên Núi Cậu. Vì ông giận bà, ông dậm chơn hơi mạnh nên chơn lúng xuống đá, để dẫu chơn lại như ta thấy hiện nay.

Miệng ông kêu vợ, nhưng chưa nghe vợ trả lời, lúc đó lại có con quạ bay ngang kêu quạ quạ, ông hỏi con quạ rằng:

“Vợ tao đi ở nơi nào?”

“Nếu mi có biết mau mau chỉ dùm.”

Quạ ta không chỉ, mà vừa bay đi vừa trả lời:

“Đàn bà lắm kẻ gian ngoa,

“Vợ mi mi giữ hỏi ta làm gì?”

Đang bực mình nghe quạ đáp vô lễ như vậy, ông Khổng Lồ giận con quạ lắm, liền với lượm một tảng đá vừa tầm tay (nặng độ 1 tấn) liệng con quạ, nhưng quạ khôn ngoan bay bỗng lên cao. Đá không trúng quạ mà rơi vào chản ba *“cây dẫu cổ thụ”* và nằm gọn ở đó cả mấy thế kỷ rồi, đá dính trên cây càng ngày càng lớn.

Chúng tôi ghi lại huyền thoại này cố gắng hiến bạn đọc nghiệm xem ở thế gian có nhiều chuyện lạ, như là ở vùng rừng núi xa xôi. Chúng tôi cũng không tin là chuyện có thật.

Chúng tôi lê gót đó đây, sưu tầm những chuyện lạ trên dãy non sông gấm vóc trải qua bao cuộc điều linh, những hiện tượng lạ kia vẫn trợ gan cùng tuế nguyệt đến nay vẫn còn tồn tại trên vùng non linh đất phước của dư

đồ Việt Nam huyền bí.

- *(Trích Tây Ninh Xưa và Nay của Huỳnh Minh từ trang 137 đến 145)*

11. DỌN ĐẤT LƯƠNG TÂM

NẾU TRONG CÔNG CUỘC GIÁO DỤC CON NGƯỜI ĐỨC DỤC CHIẾM ĐỊA VỊ QUAN TRỌNG THẾ NÀO trong việc huấn đức, việc đào luyện lương tâm cũng quan trọng thế ấy. Sống thiện, sống đúng như phẩm là vấn đề của lương tâm chớ không phải hiểu biết nhiều nguyên tắc, học thuyết luân lý mặc dầu việc này vẫn cần thiết. Sống nên người là biết nhận đúng cái ác để tránh, cái thiện để theo. Mà làm sao nhận đúng những điều ấy nên không chạy đến lương tâm.

Pascal nói: *“Lương tâm là cuốn sách luân lý hay nhất mà chúng ta phải tham khảo hơn hết”*. Thật vậy, đứng góc cạnh luân lý, người ta phải nói lương tâm là cơ quan phán đoán tính chất luân lý thiện hay ác của các tác vi nhân linh, là những việc làm mà con người làm với ý thức chịu trách nhiệm về chúng.

Forquier dựa vào định nghĩa của cuốn *Vocalulaire de la societe de Philosophie* viết: *“Lương tâm luân lý là đặc tính mà tinh thần con người nhờ đó đưa ra những phán đoán thẳng mực, tự nhiên tức khắc về giá trị của một vài hành vi cá nhân nhất định”*. Trước khi hành vi xảy ra nó cho ta biết hành vi tốt hay xấu theo lý tưởng luân lý. Hành vi xảy ra xong, lương tâm sẽ gây trong ta những tâm tình lúc nó phản ứng trước việc thiện hay ác. Tâm tình hân hoan nếu là bổn phận được thi hành. Tâm tình hối tiếc nếu ta làm lỗi.

Bởi vai trò lương tâm tối hệ như vậy nên khi bàn về

nhân đức người ta phải nghĩ ngay đến huấn luyện lương tâm. Trong xã hội loài người có hai hạng người đáng kính là ANH HÙNG và THÁNH NHÂN, nhứt là Thánh Nhân. Anh hùng nơi trận mạc thì hay lắm, nhưng hay hơn là anh hùng trước sự tấn công của tình dục, xu hướng xấu, tập quán xấu. Làm được một Nã Phá Luân thì oai thật, nhưng không được không sao. Mà nhứt định phải nỗ lực đi con đường của Socrate, Francoi, d'Assise là đường tu đức.

Muốn có một lương tâm lành mạnh trước hết phải biết phân biệt các thứ lương tâm và đào luyện riêng lương tâm chính trực. Chúng ta đã biết nhiều loại lương tâm. Như đối với chân lý thì có lương tâm chánh trực, lương tâm sai lầm.

Lương tâm sai lầm chia ra lương tâm quá rộng, quá hẹp và bối rối. Còn đối với cá nhân lương tâm có thể gọi là chắc chắn hay hồ nghi. Ở đây ta chỉ quan tâm sự huấn luyện lương tâm chánh trực.

Bí quyết là:

1. Đừng khi nào cả lòng làm nghịch lương tâm. Ai có ý cải mệnh lệnh lương tâm một lần có thể bất tuân nó nhiều lần. Một lương tâm bị bất phục nhiều lần trở thành vô hiệu, sau cùng sai lạc.
2. Đọc nhiều sách báo dạy về lương tâm.
3. Nghe giáo luyện về Đạo lý.
4. Noi gương các bậc giàu lương tâm như cha mẹ lương thiện, thầy giáo lành nghề.
5. Bàn chuyện tâm hồn với những cố vấn đạo hạnh, thông minh.
6. Tĩnh tâm, tự kiểm thảo.

Có lương tâm chánh trực là đã bước được một bước dài trên đường tâm đức. Người ta chỉ còn lo luyện cái nhân đức là nên người tốt đẹp.

■ *(Trích trang 17-19 Thuật Sống Dũng của Hoàng Xuân Việt)*

12. TRUYỀN ĐẠO PHẢI CÓ ĐỨC TIN

➤ *Mercredi 29 septembre 1926 (23-8 B.D)*

NGỌC HOÀNG THƯỢNG ĐẾ VIẾT CAO ĐÀI GIÁO ĐẠO NAM PHƯƠNG

THẦY DẠY CHƯ MÔN ĐỆ MỘT LẦN CHO MÀ HIỂU
VÀ NHỚ HẰNG NGÀY.

Nhiều đũa truyền Đạo mà trong lòng kinh sợ kẻ
thọ giáo.

Thầy hỏi: Phải nghịch chơn lý chẳng?

Phải các con há!

Kẻ dốt mà dạy người dốt thì cả hai dẫu nói tới tận
thế cũng còn dốt.

Lại thấy kẻ dốt ấy kích bát trở lại chịu thiệt rằng:
“*Đạo mình là lầm lạc*”. Người truyền Đạo dường ấy có sai
chánh lý chẳng?

Phải. Các con há!

Chẳng khác nào người ngồi nhà thấy kẻ mắc mưa
ước mình, nhẩy ra che cho ướt, lại khen rằng mát thì là
muội lắm đó.

Vậy Thầy lại thấy một bọn môn đồ khi đến nói Đạo
với kẻ nào, thì thẹn thùng ái ngại; phải nghịch chánh lý
chẳng?

Phải, thiếu tư cách đã đành. Mình vì chữ thiện mà

dạy người thì giá trị mình đã cao thượng rồi, mà còn thẹn nỗi gì?

Chẳng khác nào một đứa bé bị chửi, sợ nhục lại ráng chửi lại cho bằng; té ra bị nhục hơn nín lặn nghe luôn nữa.

Thấy lại thấy nhiều đứa chưa hiểu thấu huyền diệu là gì, bị người chê rồi còn biếm nhẽ nữa. Phải nghịch chánh lý chẳng?

Trong phần đông các con, nhiều kẻ ấy.

Thầy khuyên các con nhớ hoài rằng: Thầy của các con là ông Thầy Trời; nên biết mỗi ống mà thôi, thì đủ, nghe à.

Ngôi vị Bạch Ngọc Kinh chẳng ưa kẻ hung hăng mà lạ một điều kẻ hung hăng Đạo đức thường phá cửa lúng đặng vào, địa vị phần nhiều đoạt bởi kẻ ấy.

Các con hiền mà dữ, các con yếu mà mạnh, các con nhỏ nhoi mà là quyền thế, các con nhịn nhục mà các con hành phạt, cứ chỉ các con khá tập sao cho nghịch với cử chỉ thể tình thì gần ngôi Tiên Phật đó. ■

13. PHẬT THÂN LUẬN



PHẬT THÂN CÓ BA: PHÁP THÂN, BÁO THÂN, HÓA THÂN.

THẾ NÀO LÀ PHÁP THÂN:

Pháp Thân tức là bản thể rộng lớn vô biên của vũ trụ, bản thể ấy nương tựa, hay là căn nguyên sinh ra các Pháp (tức vạn hữu theo nghĩa phổ thông của Phật gọi là Pháp) nên gọi Pháp Thân. Lại theo ý nghĩa từng nơi trong Phật giáo còn dùng những danh từ Pháp Giới, Chân Như, Thật tế, Phật tính, Thanh Tịnh Tâm, Vô Lượng Quang, Như Thị... để chỉ rõ bản thể ấy.

Bản thể Pháp Thân tất cả chúng sanh đều có. Như trong kinh Phật dạy: *“Hết thấy chúng sanh đều có Phật tánh”*.

Lại trong kinh Pháp Hoa nói: Pháp ấy bình đẳng, không có cao thấp. Pháp ấy là gì?-Tức là bản thể, là pháp thân, chẳng qua trí thức ta đã bị nhiều lớp vô minh che phủ khiến không có trí huệ thấu triệt rộng khắp để ngộ nhận bản thể, mê và ngộ khác nhau ở chỗ đó, mà cũng vì thế phải lưu chuyển sinh tử.

THẾ NÀO GỌI LÀ BÁO THÂN:

Báo nghĩa là đáp lại, hễ cái gì có nhân thì tất có quả. Nhân lành thì quả tốt, nhân dữ thì quả xấu. Quả tức là sự đáp lại của nhân, nhân là cái đã sinh ra quả.

Các đức Phật nguyên trước cũng là chúng sanh, song các Ngài biết mình có bản thể pháp thân, ấy là cái nhân chân chính để thành Phật, nên căn cứ vào đấy mà tu tập, trải qua vô số kiếp tiêu sạch những mê vọng ám chứng, phúc tuệ đầy đủ, chúng được bản thể chân như, cảm được báo thân tốt đẹp trang nghiêm như trong kinh nói: “Thân của Phật là từ trong Pháp giới trong sạch, thanh tịnh tâm mà sanh ra, từ vô lượng công đức trí huệ mà sanh ra, từ 6 phép ba la mật mà sanh ra, tức từ bi, hỷ xả mà sanh ra.

Vậy cho biết thân của Phật bởi kết tụ bao nhiêu trí tuệ, đức tính lành tốt trong vô lượng kiếp, mà Ngài đã xả thân vì Đạo, hy sinh vì sự lợi ích cho chúng sanh, ấy là phúc quả đáp lại của cái nhân tu hành chân chánh. Nhân đã căn cứ vào bản thể rộng lớn vô biên thì quả cũng sẽ thành thời gian vô cùng vô tận. Mà đã có thân tất có độ, nên cõi Phật là cõi thanh tịnh, trang nghiêm là cảnh giới siêu phàm đầy sự an lành giải thoát.

THẾ NÀO LÀ HÓA THÂN?

Hóa là ứng hóa hoặc biểu hiện. Các Đức Phật sau khi đã tu hành chứng ngộ được chân lý, trở về bản thể pháp thân tức là trí tuệ của vật chất đã chung hòa lẫn nhau, nên bấy giờ diệu dụng vô cùng, muốn hóa ra thân nầy thân khác, cùng ngàn muôn ức thân, tùy theo nhu cầu của chúng sanh, căn cơ như thế nào mà thuyết pháp hóa độ. Như trong Kinh nói: Đức Phật Thích Ca hiện thuyết pháp ở cõi nầy, đồng thời ở thế giới khác cũng có hóa thân của Ngài, hoặc đang ngồi ở bên gốc bồ đề tọa thiền nhập định, hoặc đang ở pháp tòa thuyết pháp giáo hóa v.v...

Ta chớ lấy làm lạ, khi nói hóa thân của Phật hay Bồ

Tát mà cho là chuyệן huyệן hoặc vì đầu; đó chỉ là các Ngài đã đi đến một trình độ tinh vi của vật chất và tư tưởng. Vì tư tưởng và trí tuệ đã sáng suốt giác ngộ hoàn toàn, không còn những oán chướng mê lầm phiền não. Về vật chất thì đã dung hòa với bản thể, không còn có cái hình xác ù lì đầy cặn bả đùc nặng như thân thể của chúng ta bây giờ. Nếu mọi sự tác động của các Ngài đã diễn kịp theo sức tư duy không còn có cái gì ngăn ngại nữa.

Ví dụ: như tôi muốn đi ra Hà Nội để thăm người bà con chẳng hạn. Nếu như thân xác tôi là vật chất ù lì, sự hành động không được mau như ý muốn nên đã mất một ngày rưỡi ngồi lì trên chiếc tàu hỏa, hay một tháng trường kéo từ Huế ra Hà Nội, nếu đi bộ. Trái lại, nếu vật chất tôi đã được tinh vi tác động theo kịp mức tư duy, thì chỉ trong nháy mắt tôi đã tới Hà Nội ngay...

Chúng ta có Pháp thân, có báo thân, các vị Bồ Tát có đủ 3 thân, song chưa được viên mãn, chỉ có Phật mới đủ 3 thân.

Tóm lại tuy chia 3 thân là để cho chúng ta dễ hiểu, dễ cảm nhận, chứ thật 3 thân vốn là một thể. Hóa thân hay báo thân đều là diệu dụng của chân như, vốn từ trong thể pháp giới trong sạch thanh tịnh mà phát hiện ra, cũng như sóng tức là nước, nước là sóng, 2 cái không thể rời nhau được.

■ *(Trích trang 100–103 Thể Giới Quan Phật Giáo của Thích Mật Thể)*

14. LUẬN NGŨ

HÁI TĂNG TỬ CÙNG VỚI CÁC MÔN ĐỆ GÓP NHẬT NHỮNG LỜI GIẢN DỤ CỦA KHỔNG TỬ XẾP THÀNH sách Luận Ngũ để truyền về sau. Sách này hình như môn đệ Khổng Tử ai nhớ được điều gì thì chép ra, rồi góp lại mà thành, cho nên không có thứ tự gì cả. Có chỗ là bọn đồng môn của Tăng Tử chép ra, có chỗ là bọn học trò của Tăng Tử và Hữu Tử chép thêm vào. Cũng vì thế cho nên các đệ tử của Khổng Tử đều để chữ “*Tử*” lên trên tên tự: Tử Lộ, Tử Trương, Tử Du, Tử Hạ, Tử Cống v.v... duy chỉ có Tăng Tử và Hữu Tử thì để chữ *Tử* xuống dưới tên họ là để tỏ cách tôn kính.

Song sách ấy dùng một chữ NHÂN, chữ HIẾU, chữ CHÍNH mà mỗi nơi nói một khác là gì cách lập giáo của Khổng Tử cứ tùy tư cách hoặc tùy sở đắc, sở thất của từng người mà dạy bảo cho nên nghĩa không đồng. Tùy hình thức thì không có trật tự phân minh, nhưng văn từ thì thật rõ, thật đúng, ý từ rất sáng, rất gọn, mà câu nào cũng hàm súc nội dung đích đáng là lời của Thánh Nhân. Nay ta nhờ có cách ấy mới biết rõ học thuyết của Khổng Tử và mới hiểu rõ cái vi ý của Ngài về các sự lý.

Thật là quyển sách rất quý của Nho Giáo, song học giả phải lập chí học mà suy nghĩ cho kỹ thì mới biết là hay, và sự học Đạo của Thánh Hiền mới có ích lợi.

Trình Y Xuyên đời Tống nói: “*Có người đọc xong sách Luận Ngũ rồi sau không thấy gì cả; có người đọc xong rồi lại thích một vài câu; có người đọc xong rồi lấy làm thích lắm;*

có người đọc xong rồi thích đến nổi múa tay múa chân lên mà không biết”. Ông lại nói: “Ai đọc xong Luận Ngữ mà vẫn còn những tánh nết như trước khi chưa đọc, thì người ấy chưa hiểu đọc sách vậy”.

■ *(Trích trang 175–176 Nho Giáo quyển I của Trần Trọng Kim)*

15. THÁNH GIÁO TIẾT LỘ VIỆC XỬ CÁC ÔNG TƯƠNG, TRANG, THƠ

➤ 19 Mars 1934 (5-2-Giáp Tuất)

HAI CAI

Ông Chông mượn viết dùm.

Ôi! Mình là Tú dốt mà ông cứ đặt cây thông ngôn, sợ thôi anh Bảy. Mãng mấy anh em.

- ...

- Dạ

Anh lớn, bậy quá phải không có lệnh Thầy dạy thì Cả Chông bị ngồi khám tối 2 năm thấy mồ tở; ý nói bậy nữa.

- ...

- À, cái đó đặng lắm. Hôm trước cầu nguyện tại đây, siêu độ gần năm bảy ngàn vong hồn.

- ...

- À! Không kiện sao được. Cười.

Cha cảm ơn lắm, Anh Lớn.

Ôi! Mẹ con nó bây giờ nghe lời bậy bạ nên không hết lòng cùng Đạo. Tôi buồn quá. Anh Lớn nghĩ mà coi: Tôi bị hai ông Tương, Trang rủ quên, nghe lời theo một lúc. Hú hồn, hú vía, không thôi bị Thiên Điều thấy cha thấy mẹ. Nên biết hai năm án là tại đó, mà thiếu phước ân xá. Nhờ Thất Nương cho hiểu nên ăn năng cầu khẩn Thầy mới đặng thăng về cõi Thiên vị, xong mất cựu vị một phẩm, còn Nhơn Thánh mà thôi.

À! Đại Từ Phụ thì xin cho còn Địa Phẩm, trừ Thiên

vị đang mong ngày qui của họ, lấy hồng ân xá tội. Còn Đức Lý Giáo Tông hiểu ý ấy, nên buộc án tại Ngọc Hư, truất quyền Giáo Tông Thầy để dành cho ông Tương, còn Trang thì mất quyền Chưởng Pháp, chỉ làm Đầu Sư Hàm mà thôi.

Ôi! Ông Thơ cũng bị rút mào, làm cho cha Thiêng Liêng của ông khóc lóc, thảm quá chừng.

À! Mấy anh đừng thềm làm quen với hai ông xanh đỏ, sợ bị đa nghe!

THĂNG

16. CÁC BÀI THI DẠY ĐẠO ĐÁNG NGHĨ NHỚ

1

Trời trời mình không mới thiết bán,
Một nhành sen trắng náo nường thân.
Ở nhà mượn đám mây xanh kịt,
Đỡ gót nhờ con hạc trắng ngần.
Bố hóa người đời gây mới Đạo,
Gia ân đồ đệ dựng nền nhân.
Chừng nào đất dậy Trời thay xác,
Chu Phật, Thánh, Tiên xuống ở trần.

2

TẢ BẠCH NGỌC KINH

Một tòa Thiên Các ngọc lầu lầu,
Liên bắt cầu qua nhấp nhóa sao.
Vạn trượng then gài ngăn Bắc Đẩu,
Muôn trùng nhịp khảm hiệp Nam Tào.
Chư Thân chóa mắt màu thường đổi,
Liệt Thánh kinh tâm phép vẫn cao.
Dời đôi chóp giảng doanh đở nổi,
Vững bền vạn kiếp chẳng hề sao.

17. ĐẠO HỢP QUẦN CỦA NHÂN LOẠI

NGƯỜI TA SỞ DĨ HƠN CÁC LOẠI VẬT LÀ VÌ BIẾT HỢP QUẦN ĐỂ LẬP THÀNH XÃ HỘI CÓ TÔN TI trật tự khiến cho thiên hạ được yên trí. Tuân Tử nói rằng: “Lửa và nước có khí mà không có sinh, cây và cỏ có sinh mà không có biết, muông chim có biết mà không có nghĩa. Người thì có khí có sinh, có biết và lại có nghĩa cho nên là quý nhất trong thiên hạ. Người ra sức không bằng con trâu, chạy không bằng con ngựa, thế mà con trâu con ngựa đều bị người ta dùng được là sao?-Là tại người ta biết hợp quần.

Người ta lấy cái gì mà hợp quần được?

– Rằng lấy cái phận trên dưới. Định ra phận trên dưới thì làm thế nào mà có nhân? – Rằng lấy nghĩa. Lấy nghĩa mà định trên dưới thì hòa, hòa thì hợp là một, hợp làm một thì có nhiều sức, có nhiều sức thì mạnh, mạnh thì thắng được muôn vật.

Trong sự hợp quần của loài người có nghĩa là quý hơn cả. Bởi có nghĩa cho nên ta mới biết phân ra lớn ta trật tự để giữ cho sự sinh hoạt của nhân quần không rối loạn.

Người ta sinh hoạt ở đời không thể không quần tụ; quần tụ mà không định phận ở trên dưới thì tranh đoạt nhau, tranh đoạt nhau trên dưới là cái hại lớn của người ta, có định phận trên dưới là cái lợi lớn của thiên hạ; mà đáng nhân quần là cái then chốt để cai quản cái phận trên dưới. Vậy đã có nhân quần là phải có nhân quân để giữ

trật tự cho xã hội.

- *(Trích trang 287–288 Nho Giáo Quyền Thượng của Trần Trọng Kim)*

18. NHO GIÁO SUY LẠC

SAU NGÀY KHỔNG TỬ MẤT, NHO GIÁO CHIA RA LÀM 8 PHÁI: PHÁI TỬ TRƯỞNG, PHÁI TỬ TƯ, phái Nhan Uyên, phái Mạnh Tử, phái Tát Diệu Khai, phái Trọng Lương, phái họ Tôn tức phái của Thâu Khanh (Tuân Tử) và phái Nhạc Chính Khắc. Mỗi phái có một chủ trương khác biệt, câu nệ và chê bai lẫn nhau.

Như Tuân Tử nói thiêu Phi Thập Nhị Tử có hạ câu chê rằng: “*Bọn tiện nho của hạng Tử Du, bọn tiện Nho của họ Tử Hạ, bọn tiện nho của họ Tử Trương*”, đủ chứng minh chỗ bất hòa giữa các phái, trăm triệu của sự biến thiên và suy lạc Nho Giáo.

Thật ra Nho giáo đã bắt đầu suy lạc từ cuối đời Chiến Quốc là lúc xã hội Trung Hoa đổ nát vì nạn loạn lạc dấy lên khắp nơi, các nước đánh nhau không nghỉ.

Kịp khi nhà Tần dẹp yên các nước thực hiện được sự thống nhất thì vì chánh sách chuyên chế dùng binh pháp trị dân của Tần Hủy Hoàng mà Nho giáo ngộ nạn “*Phân thư khanh Nho*” (Đốt sách chôn sống học trò). Nền tảng của Nho học cùng các kinh sách xưa đều bị phá hủy triệt để.

Nhưng đến đời Lương Hán, khi tình thế ổn định các quan nghĩ đến việc mở mang học thuật thì Nho Giáo được cơ hội xây dựng trở lại mà phát triển mạnh mẽ. Có thể nói từ Lương Hán trở đi Nho Giáo chiếm địa vị độc tôn trên xã hội Trung Hoa.

Để xây dựng lại nền văn hóa đã sụp đổ, nhà Hán lo

sưu tầm lại kinh sách cũ. Nho học nhân đó hưng khởi lên tạo nên một thịnh vượng vô cùng nhiệt náo trên nền học thuật. Đến như về phần hình nhi thượng học tức là phần tâm học, thuần lý Nho Giáo thì trái lại càng ngày càng suy đồi vì lối học huấn.

Thế nên cứ lấy đại thể mà xét thì Nho Giáo về mặt lý tưởng cao siêu mà lối học hình nhi thượng, mãi theo trào lưu tiến hóa vật chất mà hạ thấp dần xuống.

Sở dĩ có lối học huấn hồ và từ chương là vì lúc Hán sơ, sách xưa đều bị thiêu hủy, nay muốn gây dựng lại các học giả ra công tìm kiếm những bản cũ gọi là cổ văn.

Ngoài ra những bậc cổ lão do ký ức, chép lại sách xưa gọi là kim văn. Những bản văn chép theo ký ức hẳn không tránh khỏi những chỗ sai lầm hay thiếu sót. Đến như những cổ văn vì bị dấu cất để tránh ngọn lửa Tần cũng thành ra mất mát, hoặc thiếu trang, hoặc rách nát.

Chính đó là Nguyên nhân tạo nên cái học huấn hồ là lối học chăm chú tìm những chỗ sai, chỗ sót và định nghĩa từng chữ từng câu, xếp đặt thành kinh truyện. Mỗi phái chủ trương mỗi cách, cãi vã nhau, chỉ chú trọng về mặt lý chương nên cái học thêm viên của Nho Giáo càng ngày càng kém sút đi.

Lối học huấn hồ từ chương đã rất thịnh hành trong đời Lương Hán Tam Quốc Lục Triều, cho đến đời Tùy mới bắt đầu định xong thiên hạ. Nhà Tùy mở mang các nhà học và định lệ thi cử chọn người tài càng thôi thúc thời thượng chú trọng về mặt từ chương, vì nó là nấc thang bước lên đài danh vọng. Cái tập quán này được nhà Đường đón tiếp một cách nồng nhiệt. Các sĩ phu cần ở

sự đồ đạc hơn thực học, thành thử cái học văn khoa thì rất thanh hành, mà cái học Đạo lý thì rất suy.

Qua đời Tống, các học giả nhận thấy cái học huấn hổ từ chương chỉ là cái học chú trọng về hình nhi hạ, không phản ảnh được Đạo thống của Khổng Mạnh nên quay qua tìm lấy cái học hình nhi thượng, gây thành phong trào lý học trong đời Tống và Minh. Tiêu biểu cho phong trào này nên kể Lục Tương Sơn đời Tống, và Vương Dương Minh đời Minh là lỗi lạc hơn hết.

Tuy nhiên cái học nghĩa lý mặc dầu chói rạng với nghĩa lý Lục Vương, nhưng không thể át được cái học từ chương thi cử là cái học bao giờ cũng được người đời ham thích, bởi nó đem lại danh lợi nhân tiên, thành thử cái học khoa cử hư văn vẫn là cái bệnh của thời thượng.

Nguyên nhân khiến cho lý học của đời Tống không thể tiếp tục phát triển được vì cuối đời Tống, Trung Hoa bị Mông Tộc Cát trị. Người Mông Cổ là một giống dân kém về học thuật hơn dân Hán. Đó là điểm trở ngại cho cái học cao siêu về hình nhi thượng. Hết đời Nguyên của người Mông, lại đến đời nhà Thanh của người Mãn, cũng là một dân tộc không được phát triển về tinh thần. Đến cuối đời Thanh, Tây học du nhập vào Trung Hoa càng quyến rũ người đời bỏ cái học về triết lý khó khăn, chạy theo cái học chuộng về đường phát triển vật chất.

Nói tóm lại, từ đời Chiến Quốc đến đời Thanh, cái học Đạo thống của Khổng Mạnh thuộc về hình nhi thượng vẫn một mực suy lạc. Mặc dầu trong đời Tống lý học được xiển minh nhưng đứng về đại thể mà xét thì Nho Giáo cứ theo trào lưu thói hóa về mặt tinh thần mà

một ngày một suy lạc.

- *(Trích trang 125–128 Đồi Hạ Nguyên của Vương Kim)*

19. LẠY PHẬT CÁCH NÀO?

LÀ PHẬT TỬ THÌ AI CŨNG PHẢI LỄ PHẬT, NGHĨA LÀ ĐỨNG TRƯỚC BÀN THỜ PHẬT, TRƯỚC tượng Phật hoặc hình ảnh của Đức Phật nghiêm trang làm lễ, đầu sát tới đất.

Lễ Phật để làm gì?

Lễ Phật không có ý nghĩa là lễ một vị Thần Linh hay thờ cúng và lễ bái một bức tranh, một bức tượng (idolatric). Làm như thế là mê tín trái với giáo lý của Phật bày trừ hết thầy mê tín.

Đức Phật đã dạy tất cả hình tượng, ngay cả xác thân của Ngài khi còn tại thế, đều là giả dối, vô thường. Vậy Ngài không dạy chúng ta lạy Ngài và lạy những tranh tượng vẽ hình dáng Ngài. Nhưng chúng ta là những kẻ phàm phu, còn sống trong vòng thế gian thông thường, còn phải tu hành, nên chúng ta cần có một cái gì để tượng trưng trước mắt ta trong trí ta những đức tánh rộng lớn vô biên, từ bi hỷ xả, thanh tịnh, dũng mãnh, giác ngộ, trí tuệ của Ngài, để nhắc nhở chúng ta.

Chúng ta lễ trước bức tượng, bức tranh Phật không phải chúng ta lễ bức tranh bức tượng ấy mà chúng ta lễ, chúng ta tỏ lòng cung kính rộng lớn cùng cực, đời đời làm gương mẫu cho ta. Trước những đức tin cao cả vô biên ấy, chúng ta cảm thấy chúng ta còn biết bao nhiêu mê lầm, bao nhiêu khiếm khuyết, bao nhiêu tội lỗi. Chúng ta cảm thấy chúng ta như một hạt bụi nhỏ nhen đối với một trái núi ngất trời. Tự nhiên chúng ta phải sụp lạy để tôn kính,

cái gì cao quý đang soi sáng cho chúng ta và nâng chân vị của chúng ta lên đến cực điểm.

Như thế lễ Phật không phải là mê tín, và cũng không phải là làm hèn hạ thân mình phải cúi đầu rạp xuống đất. Trái lại, cúi sát đất là để ta bỏ cái tính ngã mạn, cái lòng tự cao tự đại mê tối, ngu xuẩn của chúng ta. Mà chúng ta bỏ cái tính kiêu mạng, cái ngu tối, ấy là chúng ta đã biết nâng chúng ta dần dần lên những đức tính cao quý, sáng suốt và rộng lớn của chư Phật.

Nói tóm lại, chúng ta lễ Phật với 3 ý nghĩa, với 3 mục đích sau đây:

1. Ý chí bỏ tính ngã mạn, tưởng rằng thân mình là cao là quý nên đã làm bao nhiêu điều tham lam, mê lầm, sai quấy.
2. Hai là với ý nguyện theo gương Đức Phật làm cho những đức tính ẩn nấp trong thân tâm ta được sáng suốt, nảy nở như những đức tính cùng cực vô biên của Đức Phật.
3. Ba là quyết chí đem đời chúng ta qui hướng theo Phật, tức là qui hướng theo điều thiện, hy sinh cho chơn lý, chỉ làm những điều chơn chánh, vừa lợi ích cho mình, cho người và cho các vật khác.

■ *(Trích trang 78-79 Đường Vào Ánh Sáng Đạo Phật của Tịnh Mặc)*

20. ẢNH HƯỞNG CỦA THƠ ĐỐI VỚI ĐỜI SỐNG

THỬ NHỎ NGUYỄN HỮU CHÍNH CÓ LÀM BÀI THƠ “CÂY PHÁO” NÓ ĐÃ ẢNH HƯỞNG RẤT THỰC VỚI ĐỜI SỐNG CỦA CHÍNH Ở TƯƠNG LAI.

“Xác không vốn những cây tay người,

“Bao nã công trình, tách cái thôi.

“Kêu lắm lại càng tan tác lắm,

“Chung qui cũng một tiếng mà thôi.”

Nguyễn Hữu Chính theo Tây Sơn làm một thứ tướng quân mưu sĩ. Sản đó nhờ có công đuổi Trịnh Bồng, Chính được vua Lê Chiêu Thống phong tước bằng Quận Công. Chính thông mưu với Nguyễn Huệ hiện trấn tại Nghệ An tính mưu phản lại Tây Sơn, công việc không thành.

Đối lại, Nguyễn Huệ sai bọn Ngô Văn Sở đem quân ra Nghệ hợp cùng Võ Văn Nhậm lo việc Bắc phạt (đánh miền Bắc). Chính lại sai tướng chống lại, nhưng thua trận, rốt cuộc Chính bị bắt. Nhậm bèn kể tội Chính rồi sai xé xác làm mấy mảnh.

Đương thời thiên hạ truyền tụng câu chuyện sau đây: Vốn Chính là một nhân vật túc trí đa mưu, song mạng Chính không sáng, số Chính không đỡ, và cái số mạng đen tới đó được thể hiện ra nơi bài thơ tứ tuyệt trên mà Chính đã làm lúc còn niên thiếu.

Đồng thời lúc Tây Sơn ra Bắc trị tội Chính, kẻ mà Bắc Bình Dương Nguyễn Huệ “ngại” nhứt trong đời.

Nhân gian lúc ấy có câu ca dao:

*“Ai mang con sáo sang sông,
“Để cho con sáo sổ lòng bay cao.
“Bay cao thì mặc bay cao,
“Lưới trời lồng lộng thoát nào được đây.”*

Nơi Sấm Trạng Trình cụ Nguyễn Bình Khiêm cũng có tiên tri:

*“Chim bằng cất cánh về đâu?
“Chết tại trên đầu hai chữ Quận Công”.*

Có ai tưởng, cậu Chinh làm bài thơ cây Pháo mà sau thân mình phải tan tác như cây pháo, danh mình chỉ nghe một tiếng “*đùng*” rồi không còn van vợi âm thanh nào nữa. Vì danh vị ấy chỉ nhờ kẻ khác lập cho mình chớ không tự tay mình tạo ra nó thì tức nhiên nó bị lấy lại khi người cho ấy đã hết thời.

Chúng tôi xin mạng phép luận Đạo nơi đây. Danh vị ở thế gian không được tồn tại như chức Tổng Thống, Thủ Tướng, Bộ Trưởng, Ngoại Trưởng v.v... nói rằng do dân dựng lên thì một thời gian nó cũng bị nhân dân lôi xuống.

Nếu là tước nhỏ do người trên ban cho thì một thời gian lâu hay mau, người trên đó sẽ lấy lại. Ban ra bởi người thế gian là kẻ phạm phu thì giá trị nó vẫn như bản thấp hèn, phạm phu.

Chỉ có danh vị của Thượng Đế ban cho thì không ai ở thế gian có quyền lấy lại được mà nó vẫn tồn tại mãi mãi nơi cảnh Hằng Sống.

Nên chi Chí Tôn khuyên ta cố gắng chí tu hành lập công bồi đức. Hội Thánh là người thay mặt cho Chí Tôn tại thế nhìn nhận ta ở phẩm nào thì về Thiêng Liêng

cũng vẫn ở phẩm ấy, trừ phi chúng ta phạm lỗi, hoặc chệch mới có thể mất mà thôi.

Tin chắc như vậy, chúng ta hãy minh tiến trên đường lập vị, không khi nào xảy ra cảnh mai một như trường hợp của Nguyễn Hữu Chính.

Mà nếu vì đại nghiệp mà thiệt thân thì sử Đạo sẽ lưu danh hậu thế mà coi hư vô sẽ hưởng phần thưởng xứng đáng của Đấng cầm cân công bình là Đại Từ Phụ.

QUANG MINH

21. NHẬP THỂ VÀ XUẤT THỂ

NGƯỜI ĐÔNG PHƯƠNG NGÀY XƯA, NHÂN CÁI THUYẾT CHU KỶ MÀ CHIA RA 2 HẠNG NGƯỜI: hạng nhập thể và hạng xuất thể. Hạng chấp nhận thuyết chu kỳ một cách tuyệt đối “*Tri kỳ bất khả nhi bất di*” thì thích sống ẩn dật thi hành Đạo minh triết bảo thân như Kinh Dịch đã dạy: “*Thời Bỉ âm trường dương tiêu*”, tức là lúc tiểu nhân thịnh, quân tử suy, người quân tử phải ở ẩn mới khỏi lụy (Thiên Địa bế, hiển nhân ẩn).

Một hạng nữa là hạng trí giả, nhưng dù không bát thuyết chu kỳ, miễn cưỡng tự nhủ “*Tri kỳ bất khi nhi vi chi*” thích dùng Đạo hữu vi can thiệp vào việc người để cải tạo lại xã hội như ý họ muốn. Họ là hạng người có nhiều cao vọng mong cho “*Thiên tòng nhưn nguyên*”, đổi loạn thành trị, đổi thời sắt thép thành thời kim ngân, kéo lại mặt trời không cho lặn... Họ tin vào sức người có thể chống lại sức Trời đổi Thu Đông thành mùa Xuân vĩnh cửu bất biến. Họ là hạng người tự xem thay được quyền Tạo Hóa “*thể thiên hành Đạo*”.

Tiêu biểu hai hạng người này là câu chuyện sau đây trong Tam Quốc Diễn Nghĩa.

Như phần đông chúng ta đều biết trong thời Tam Quốc có những người ẩn sĩ như Khổng Minh, Tư Mã Huy, Châu Thôi Bình và các nhóm nhà chánh trị như Tào Tháo, Lưu Bị, Tôn Quyền.

Lưu Bị được Từ Thứ giới thiệu đi tìm Khổng Minh. Không gặp Khổng Minh Lưu Bị lại gặp Châu Thôi Bình,

bạn thiết của Khổng Minh. Châu Thời Bình nói: “Ông muốn hỏi tôi kẻ đẹp loạn à! Như thế kể ra ông có lòng nhân rồi đó, thấy thiên hạ điều linh mà chẳng nở ngồi bó tay. Nhưng từ xưa đến nay, trị và loạn có bao giờ dứt. Từ Vua Cao Tổ chém rắn đái nghĩa giết bạo Tần đó là do loạn mà ra trị. Qua đến thời vua Ai Đế, Bình Đế thì trị được 200 năm, thiên hạ thái bình đã lâu nên mới sinh ra Vương Mãng oán nghịch, đó là do trị mà ra loạn. Chừng đến Quan Vũ trung hưng, sửa cơ nghiệp lại, đó là do loạn mà ra trị. Đến nay trên 200 năm, dân yêu cũng đã lâu nên can qua dấy động bốn phương, lúc này là lúc trở nên loạn đó. Chưa có thể nào làm bình định được. Nay tướng quân lại muốn kiếm Khổng Minh để mà thay đổi âm dương tiêu tức, đổi loạn ra trị chấp vá đất trời, đổi ngôi trời đất tôi e chẳng phải dễ đâu, vì chưa đúng lúc. Như thế ông chỉ làm cái việc lao nhọc vô ích mà thôi. Ông há không nghe câu “Thuận Thiên giả tồn, nghịch Thiên giả vong” hay sao? Thiên lý là thế ai dám cưỡng cầu?”

– Huyền Đức cãi lại: “Lời Tiên sinh thật hay, nhưng tôi là dòng dõi nhà Hán lẽ phải khôn phò, dám đầu buông cho số mạng”.

– Châu Công Bình: “Thôi thôi, tôi là người ở chốn sơn dã, đủ đầu để biện luận với Tướng quân. Vậy ý ông đã hỏi nên lẽ đã có những lời không đẹp ý, xin chớ chấp!”, rồi bỏ ra đi.

Khổng Minh lúc nghe Từ Thứ giới thiệu cũng đã nổi nóng, hét lên: “Bộ ông tưởng tôi là con vật hy sinh để mà cúng tế hay sao?”.

Khổng Minh, Như Thôi, Châu Bình nhật xét về thời cuộc đầu có khác nhau: “Thiên địa bế hiên nhân ẩn”.

Cái học của Khổng Minh về thuyết chu kỳ đã biết rõ thế nào là: “*Thời chỉ tắc chỉ, thời hành tắc hành*”. Vậy mà rớt cuộc, vì cảm cái nghĩa làm cố mao lư bóp lòng chấp nhận ra gánh vác công việc đội đá vá trời để rồi chung cuộc chết mòn trong thất bại chua cay và tủi nhục.

Tiếng than cuối cùng của bậc anh tài quán thế: “*Nhơn nguyện như thử, thiên lý vị nhiên*”. Đã làm cho hàng thức giả về sau bùi ngùi không biết chừng nào!

■ (*Trích trang 113–114 Chu Dịch Huyền Giải của Nguyễn Duy Cần*)

22. CÁCH NIỆM PHẬT

NIỆM PHẬT CÓ NHIỀU CÁCH TÙY TỪNG LÚC, TÙY TỪNG TRƯỜNG HỢP. SAU ĐÂY LÀ VÀI CÁCH NIỆM Phật:

1. **TỤNG NIỆM:** Đứng trước bàn thờ Phật, thắp hương niệm lớn tiếng.
2. **MẬT NIỆM:** Niệm tiếng nhỏ, niệm thâm. Thí dụ như gặp chỗ không có bàn thờ Phật hoặc chỗ đông người, hoặc trước khi ngủ, hoặc lúc tỉnh giấc dậy, niệm nho nhỏ đủ để một mình nghe.
3. **KHẨN NIỆM:** Bất chợt gặp một tai nạn, đau khổ, niệm khẩn thiết Đức Phật, Đức Quan Thế Âm, Đức Dược Sư v.v...
4. **QUÁN NIỆM:** Đứng trước tượng hoặc hình ảnh Đức Phật chiêm ngưỡng tướng tốt đẹp của Phật, rồi tưởng tượng Đức Phật ở trước mặt, suy nghĩ và nhớ lại rằng, Đức Phật có tướng tốt đẹp như thế là vì Đức Phật có những đức hạnh từ bi, hỷ xả, thanh tịnh rộng lớn vô biên.
5. **CHUYÊN NIỆM:** Đi đứng nằm ngồi, bất cứ làm việc gì hoặc việc gì cũng tưởng nhớ tới Phật, tưởng tượng như Phật và Bồ Tát luôn luôn ở gần bên để chỉ đường cho ta hành động và suy xét đúng với chân lý.

Niệm Phật một niệm tức là tiến gần đến Phật một bước. Niệm luôn như thế mãi chúng ta sẽ thấy chúng ta gần Phật và Phật đến với chúng ta. Rồi lâu dần, chúng ta sẽ thấy Phật ở ngay trong lòng ta, sáng suốt trong sạch và

yên vui vô cùng.

Đã có ý chí muốn niệm Phật, người Phật Tử phải tự mình thực hiện 3 điều cần yếu:

➤ *Điều thứ nhất là lập đức tin chắc chắn:*

- a. Tin chư Phật và Bồ Tát là những vị giác ngộ đầy lòng từ bi cứu khổ và soi sáng cho chúng sanh.
- b. Tin giáo pháp của Đức Phật chắc chắn đưa chúng ta đến chỗ giải thoát và hạnh phúc chơn thật.
- c. Tin mình có đủ khả năng tu tập thành Phật, thành Bồ Tát, hoặc giảng sinh sang Cực Lạc Thế Giới.

➤ *Điều thứ hai là tập nguyện vững vàng.*

Người Phật tử phải quyết chí tu trong Phật Pháp, nguyện ăn ở hành động theo giáo pháp của Đức Phật để sẽ được giảng sinh sen tịnh độ hoặc sẽ thành Phật, thành Bồ Tát.

Khi đã lập chí vững vàng thì không bao giờ có thể thoái lui nữa, dầu gặp những cản trở khó khăn đến đâu cũng vẫn tiến, không hề chán nản.

➤ *Điều thứ ba là Lập Hạnh.*

Lập hạnh tức là đem thực hành chí nguyện nói trên, đem thực nghiệm những giáo pháp của Đức Phật dạy trong đó có phương pháp niệm Phật, niệm Bồ Tát.

Chúng ta phải thực hành chí nguyện một cách siêng năng, kiên quyết, phải niệm Phật đến mức thuần phục, nghĩa là tâm trí không tưởng nghĩ đến việc khác, chỉ tưởng nghĩ đến Phật và Bồ Tát mà thôi. Niệm thuần phục như thế trong kinh gọi là niệm “*Nhất tâm bất loạn*”.

Vì vậy người Phật Tử khi sắp lâm chung, phải làm cho tâm thân yên tĩnh, gạt bỏ hết trần duyên thế sự, đừng luyến tiếc cơ nghiệp, của cải, gia đình, quyền thế... Thường chỉ vì lòng luyến tiếc, tham tiếc ấy mà người ta không thể niệm Phật được nhất tâm bất loạn. Chẳng khác gì trong truyện ngụ ngôn: Con cò muốn bay mà con Ngao kẹp miệng kéo xuống. Có vẫy cánh thiệt mạng mà không thể bay bổng lên cao được. Càng vẫy nhiều càng thêm đau khổ.

Vì lẽ ấy khi ông bà cha mẹ sắp mất, các con cháu hiểu thảo, hiểu thâm sâu Đạo Phật phải bình tâm, sửa soạn một khung cảnh yên tịnh cho ông bà, cha mẹ dễ dàng việc định tâm niệm Phật.

Ta chẳng nên vì lòng thương yêu sai lầm mà khóc âm ỉ, làm cho ông bà, cha mẹ rối loạn tâm thần, luyến tiếc thế sự không thể yên tâm vãng sanh sang cõi Cực Lạc mà cứ lẩn quẩn trong vòng luân hồi của thế gian này mãi.

Lúc ấy con cháu nên bình tĩnh tiếp sức với ông bà, cha mẹ mà khẩn thiết niệm Phật A Di Đà từ bi thương xót, tiếp dẫn người thân yêu sang quốc độ của Ngài.

■ *(Trích trang 73-76 Đường Vào Ánh Sáng Đạo Phật của Tịnh Mặc)*

23. THỂ CHẤT VÀ TÁNH ĐỨC CÁC HẠNG KHÁCH TRẦN

➤ *Thuyết Đạo của Đức Hộ Pháp tại Đền Thánh đêm rằm tháng giêng năm Mậu Tý (24-2-1948)*

Hôm nay, Bản Đạo giảng về các hạng khách trần thể chất và tánh đức của họ, cốt yếu để dò dặt cả thầy quan sát toàn thể Đạo.

Ấy là phương hay để chúng ta có thể quan sát được mỗi hạng khách trần, trọng hệ nhứt là Thánh Thể của Đức Chí Tôn tức nhiên là Hội Thánh. Vả chẳng, chúng sanh nhứt là nhơn loại mỗi mỗi đều có đẳng cấp Thiên Linh tùy theo sự tiến hóa của Chơn linh của họ, dầu tánh chất hay hình thể cũng tùy theo tiến hóa của Chơn linh mà có riêng đặc tánh, riêng về hình thể của họ, chúng ta ngó thấy phương pháp của cổ nhân xem tướng người, đoán tánh chất, số mạng, cũng là nương theo đó.

Các hạng khách trần, Bản Đạo duy nói về đẳng cấp và tấn hóa, nếu dám quả quyết, nói hẳn rằng: Mặt địa cầu nầy có 2.700 triệu người mà buổi nầy khuyết điểm bao nhiêu không biết, số ấy là trong thời thái bình. Trong 2.700 triệu nhơn sanh tức có 2.700 triệu tánh đức, chúng ta không thể gì đoán xét được, nhưng chúng ta có thể chia khách trần ra làm nhiều hạng:

- Một hạng trước là hạng **trái chủ**, nghĩa là hạng thiếu nợ, hạng thiếu nợ là gì? Là những người gây ra nhơn quả đã nhiều. Luật nhơn quả để họ vô hàng cùng khổ của các Chơn linh.

- Hạng thứ nhì là hạng **tác trái**, nghĩa là người đã cho vay.
 - Hạng thứ ba là hạng **du học**, là các Chơn linh đến mặt địa cầu tìm phương pháp đặng học hỏi, vì họ thiếu thốn, đến đặng thấu đoạt cái phần thiếu kia cho hay biết nhiều thêm đặng tấn hóa về Chơn linh.
 - Hạng thứ tư là hạng **ta bà du hí, du thực** đến chơi rồi về, mà cái hạng ấy ít lắm, nếu có đi nữa thì phần nhiều chết yếu hết.
 - Còn một hạng nữa là hạng **Thiên mạng**, hạng Thiên mạng là hạng Chơn linh cao cấp tức nhiên đã đạt phẩm vị cao trọng, vâng mạng đến thi hành lệnh của Ngọc Hư Cung hay của Lôi Âm Tử.
- ☆ Bây giờ Bản Đạo mới chỉ rõ **hạng trái chủ** là hạng thiếu nợ. Bản Đạo quả quyết rằng, nếu ngó thấy họ ta đoán được ngay. Cái thói nghèo hèn cùng khổ dầu đến đâu cũng ra nghèo hèn, rán làm sang bao nhiêu cũng lộ cái nghèo hèn ấy, vì tánh đức họ hiện ra hình trạng xấu xa cho đến cách ăn mặc cũng vậy; họ sợ thiếu nợ nhưng hại thay họ đã lo đêm lo ngày, chạy tảo chạy tần, lo sống đủ mọi phương diện, nhưng chẳng phút nào họ được an hưởng tinh thần và tưởng tượng rằng mình có hạnh phúc. Có khi người trái chủ đó ấy đầu kiếp một lượt thì họ có phương thể làm đặng trả, là may duyên cho họ lắm; nếu rủi người chủ trái không đến thì họ phải đầu kiếp mãi tìm cho đặng người chủ nợ ấy, làm tội mọi cho họ đặng trả nợ, ấy là một phương pháp mà các Chơn linh hải hùng sợ sệt hơn hết.
- Tánh đức của họ là thường lo cho mình được lợi mà thôi, nhưng không biết chừng nào đủ, đến đổi trong

ý muốn làm có của cho lung, cho nhiều để dành ngừa đó đặng có phương thế trả nợ, sợ một điều là buổi muốn trả mà không trả nổi. Tâm linh họ giục thúc như vậy. Họ hà tiện lắm, nhiều khi gặp được tình liên hữu với Chơn linh nào mà họ gọi là chủ trái đến, lạ lùng thay, đối với cả toàn thiên hạ không thương yêu ai, mà nếu họ gặp người chủ trái ấy giục họ thương yêu, kính mến, chiều chuộng, bao nhiêu của cũng đem dâng hết cho người ấy. Có nhiều khi không có của họ đem cả thân sanh họ đặng đền trả nữa. Hạng thiếu nợ có tánh đức đặc biệt nhỏ nhen, chất mót, không tưởng đến ai khác hơn mình, duy người chủ trái đến thì toàn cả cơ nghiệp đều để lại cho người đó, dầu muốn dầu không, hay là không hay biết cũng do tay người đó phá hoại hết sự nghiệp. Họ phát hiện ra có tánh chất buồn bực quạu quọ, không yên tâm, cứ lo lắng bậ bậ nhứt là hình ảnh của họ cùng khổ, bệnh hoạn luôn và thường chịu phạt đê hèn. Đó là hạng có quả kiếp.

- ☆ Còn **hạng chủ nợ** có tánh cách đặc biệt là không biết lo gì hết, lơ lơ lửng lửng, ngày chí tối không biết đợi ai trả nợ, mà chắc mình có món nợ chúng sẽ trả, không lo gì cho họ cả, thả linh binh du hí du thực, không biết gì ráo cứ ngơ ngơ ngẩn ngẩn, không động tới ai, mà cũng không làm nên gì cho ai; mà khi nào chúng ta thuyết đạo với họ thì họ biết xu hướng, chịu nghe tưởng cái huyền linh này sẽ giúp mình đắc lợi gì. Họ đi chùa, đi miếu cốt cầu danh, nghe nơi nào linh hiển, đem nhang đèn tới cầu tài cầu lợi cho mình. Hình ảnh của họ, gương mặt bơ bơ mà lúc nào cũng tự tôn

tự đại, mình là chủ nợ dẫu nợ nhiều hay nợ ít cũng là nhà giàu rồi, và đặc sắc điều này là không sợ hao tài. Tánh chất sợ tội, sợ quả báo mà không biết trọng mình, thoát nghe đó, tin tưởng đó, nhưng không phải tin tưởng đạo đức mà chỉ tin nơi huyền linh đặng cầu khẩn mà thôi lại có tánh chất ngớ ngẩn, trong mình không có tiền thì thôi, nếu có tiền mà ai nói vừa bụng thì lại móc đưa ra hết, có khi đưa rồi lại mắng người ta, đưa chẳng phải vì thiệt tâm mà đưa. Tánh chất của người chủ trái là vậy đó.

- ☆ Bây giờ nói đến **hạng du học**, hạng du học bình thường cái gì cũng muốn biết, ham đọc sách vở kinh luật nhưng chỉ đọc qua loa rồi bỏ, ưa kiếm hiểu, ưa tọc mạch hơn ai hết, cái gì cũng muốn hiểu, cái gì cũng muốn biết, có khi nào họ mơ màng thì họ cũng muốn bỏ. Hạng du học thì nhiều mà lạ lùng thay, phần nhiều không tin ngưỡng, học cao đến đâu nếu đem đạo đức tinh thần mà nói, họ không biết gì hết, cứ cái chơn lý họ tìm mãi mà thôi, chính mình họ, họ cũng chẳng biết họ là ai, nhưng cũng là hạng tự tôn tự đại lắm, họ quyết đoán trong óc họ rằng không ai hơn họ được, cho là mình khôn hơn thiên hạ nên làm cao cách hơn ai. Gương mặt lúc nào đi cũng ngược lên người ta gọi là mấy cậu “*trích bỏ lương*” mà thứ đó lại nhiều hơn hết.
- ☆ **Hạng ta bà**, nếu có thì chúng ta thấy liền, không động tới ai, không nói tới ai, cái sống, cái chết của họ cũng không cần biết, họ thường ở theo các chùa hoặc lên núi, một cõi một mình, chịu thanh tịnh mà thôi, còn đi chơi tìm lên non núi. Ta thấy trong các chùa

chiến, họ bơ vơ động chuông, gõ mõ rồi nam mô lên, nam mô xuống. Hạng ta bà du hí nầy sống trên cõi trần nếu không vừa bụng thì thối lui về tức là chết.

- ☆ Bây giờ các bạn muốn nghe hơn hết là **hạng Thiên mạng**. Hạng Thiên mạng, là hạng người không biết tầm lấy cho mình, chỉ lấy của mình lo cho thiên hạ, không biết tôn trọng hình hài của mình, chỉ tôn trọng thiên hạ, bởi vì hạng Thiên mạng cốt yếu tìm cả năng lực chỉ đạo cho thiên hạ làm môi giới tinh thần, ấy là một phương pháp giải cứu cho đời và bảo trọng nuôi nấng thiên hạ đó. Tánh chất như Lục Tổ bất động, bất trần, bất cấu, bất nhiễm. Có nhiều khi họ đến mà chưa có phận sự thì họ ngơ ngơ ngẩn ngẩn như khùng như điên. Ấy là khi chưa đắc thể, thiên hạ kêu là ba trợn ba nháng đó; một khi mà họ đắc thể rồi, quyết cứu độ thiên hạ thay thế cho Thiêng Liêng, vâng mạng lệnh Đức Chí Tôn đến làm bạn với người đặng truyền Đạo, thân con cái của Chí Tôn về một mối. Phần đó ta có thể xem xét được trong Thánh Thể của Đức Chí Tôn.

Mấy em nếu có gặp người khùng khùng điên điên phải quyết đoán là họ còn đợi thời và họ chưa tới thời đó mà thôi. ■

24. THIÊN CUNG CỦA MỖI CON CÁI ĐỨC CHÍ TÔN

- *Thuyết Đạo của Đức Hộ Pháp tại Đền Thánh, thời Tý đêm 19 tháng 2 năm Mậu Tý (dl. 29-03-1948)*

NGÀY HÔM NAY, BẮN ĐẠO GIẢNG VỀ THIÊN CUNG CỦA MỖI CON CÁI CỦA ĐỨC CHÍ TÔN. THIÊN Cung ấy, Chí Tôn có nói rằng: «*Gia tài của các con, Thấy đã sẵn sẵn*». Gia tài ấy tức là Thiên Cung vậy.

Bắn Đạo nhớ lại buổi nọ, Đức Chí Tôn biểu Chư Đại Thiên Phong, nhứt là những môn đệ đầu tiên của Ngài bên Cửu Trùng Đài, nên ta kể những vị ấy như là Thánh Tông Đồ của Đạo Cao Đài vậy: như là Trung, Trang, Tương, Thơ, Nương, Ca đó là những vị đến lúc ban sơ khởi thể của nên Đạo. Chí Tôn biểu: *Các con phải lập họ hàng của mình, tức là biểu lập Thiên Cung tại thể*. Thảm thay! Hồng ân ấy, Chí Tôn liệng trong tay mà không biết nắm, tức nhiên họ làm mất đạo nghiệp của họ vậy.

Thiên Cung của chúng ta mà Đại Từ Phụ gọi gia tài dành để cho chúng ta, trừ ra đứa nào chê bỏ, Thấy mới đem cho đứa khác, Thiên Cung ấy là gì? Là các nguyên căn của Đức Chí Tôn, là cơ tạo đoan Càn Khôn Vũ Trụ. Đức Chưởng Đạo Nguyệt Tâm Chơn Nhơn nói rằng: Đức Chí Tôn buổi nọ có Thiên Cung riêng, Ngài dứt cả toàn Thiên Cung đó đến một chỗ chẳng có vật chi, rồi Ngài lấy dương quang đặng Ngài biến tướng ra và ban cho mỗi con vật một điểm linh tính, tiếng Phạn gọi là Monade, còn ta gọi là nhứt điểm linh, điểm linh ấy tấn

hóa vô biên vô giới, đi từ vật chất đến Phật vị, thì trong con người đi biết bao nhiêu kiếp sống liên quan mật thiết cùng nhau, do mỗi kiếp sống để tạo thành một gia tộc. Chúng ta sanh ở thế kỷ này có ông, bà, cha, mẹ, anh, em, bạn tác, vợ chồng, con cái, cả các cơ nghiệp hữu hình của chúng ta tạo tại thế này, sẽ trở nên cơ nghiệp nơi cảnh vô vi kia, đặng làm Thiên Cung của chúng ta.

Vậy Thiên Cung là gì? Nếu chúng ta gọi là gia tộc vô hình thì phải gọi là xã hội, do đại nghiệp căn bản của chúng ta lập thành. Nếu chúng ta tưởng tượng trở lộn lại do lời của Đức Chưởng Đạo nói, thì Đức Chí Tôn cũng vô một khuôn luật ấy, nhưng Ngài đạt Pháp, nắm cả bí mật vô biên đặng tạo Càn khôn vũ trụ riêng, chẳng khác như ta đã thấy tấn tuồng hữu vi nơi mặt thế này, cũng làm con, làm cha, mà ta thấy cha ta tạo nghiệp thế nào, thì ta cũng bắt chước như thế ấy. Hình trạng Đức Chí Tôn đã làm thì ta sẽ làm theo, hay là ta đã làm rồi nơi cảnh vô hình, Đức Chí Tôn đã dành để cho ta mà ta chưa hề biết như vậy, ta chỉ biết giờ này mà thôi, đến khi bỏ xác thú rồi, trở lại cảnh vô hình, mới biết ta có một đại nghiệp.

Bởi vậy cho nên buổi sanh tiền trong kiếp sống của ta đây: Ăn để sống tranh giành đặng nuôi con thú, tức là thú hình của ta mà quên lảng cả đại nghiệp. Không có thảm trạng nào hơn là ta quên mình hiểm nguy, nên Chí Tôn rất thảm khổ thấy ta chìm đắm trong trường đời. Ta thử tưởng tượng như ta làm cha mẹ đương giữ đại nghiệp cho con, phần hương hỏa đó rất vĩ đại, trong thời buổi còn niên thiếu cho nó đi ra ngoại quốc du học rồi lúc ở ngoại quốc nó không đủ phương sanh sống, cái gia nghiệp ấy nó chưa được hưởng mà không ai giúp đỡ tự nó tìm kế

làm thuê làm mướn với tài hay mà sống.

Nếu nó sống được với nghề hay nghiệp giỏi, với cái thiệt tài của nó thì không nói gì, gạt một nỗi nó không sống được theo phương pháp quân tử, nó phải hạ mình xuống đi ăn trộm ăn cướp bạo tàn, điếm đảng, lừa dối, làm đủ tội lỗi với phương sống dê hèn đó của đứa tiểu nhơn, thì ta thử hỏi ông cha hay bà mẹ cầm cái đại nghiệp ấy, sẽ đau đớn thương tâm như thế nào chứ?

Thật ra Đức Chí Tôn cũng dường đó, một đám nhơn sanh như chúng ta đây, Ông đã nói: Cửa mỗi đứa con Ông còn giữ một đại nghiệp, đại nghiệp ấy không phải của Ông cho, mà là của tự mình chúng ta tạo dựng, nhưng chúng ta lại nỡ quên phứt nó đi, để cho thân thể ra hèn tiện, khổ não, truân chuyên, mà cái đại nghiệp kia ta lại không thể bảo trọng được. Nếu đương đầu với mạng sống mà ta không tự tỉnh, kiếm phương pháp sống cho chí thành, rũi tìm cái sống theo quý pháp, thử hỏi Đức Chí Tôn sẽ đau đớn như thế nào nữa? Thầy đã nói: ***“Gia tài của các con Thấy không bao giờ lấy cho kẻ khác, kỳ dư kẻ nào ché bỏ”***. Nếu chúng ta thất nghiệp cả của cái phụ ảm do nơi ta đào tạo ấy mà ta trở bước hưởng lại không được là tại nơi ta từ chối, tự ta quên mình mà từ bỏ cái đại nghiệp ấy. Ta sống một trăm tuổi có nghĩa gì đâu? Ví như mỗi phen có một đám xác đi qua, thì dường như người quá cố nhắc nhở ta một điều gì? Người chết ấy nói với ta rằng: *«Tôi đi đây là đến cảnh thiệt, còn quý ngài ở lại đó là cảnh giả đa nghe!»*. Phải sáng suốt đặng phân thiệt giả, mới bền giữ cơ nghiệp thiêng liêng, chớ đời sống phạm gian là một khổ hải đa nghe!

Nhơn loại bao giờ mới tỉnh cơn mơ mộng tàn ác mà

tìm cho được cái sống Thánh đức cao siêu? Vì cứ cho nên mỗi đứa chúng ta, dẫu lao khổ, truân chuyên, dẫu nhiều phen bị khảo đảo khổ hạnh, mà dường như tinh thần ta thấy khoái lạc hơn nữa, là tại sao vậy? Tại ta biết rằng sự khảo đảo hình xác này không phương gì mà động chạm đến phạm vi đại nghiệp của ta kia đặng, bất quá là bóng dáng mà thôi, mà hễ không động đến được thì ta biết rằng ta có thể bảo thủ được, không sợ mất của thiêng liêng ta đã sẵn có.

Nếu cả mấy em biết nghe theo chơn lý vô cùng vô tận của Thiêng Liêng Hằng Sống ấy, bảo trọng được cái cảnh thiệt tướng ấy thì hay hơn là trọng cái sống của thế tình mơ mộng. Mấy em chỉ nên sợ một người mà thôi, ngoài ra dưới thế gian này không còn sợ ai hết. Kẻ nào có quyền thế thì chỉ có giết chết thân ta là hết chuyện. Còn các em, các con, phải sợ Người mà chẳng những có thể giết thi hài của mấy em, mấy con, mà còn tận đọa tam đồ chi khổ, lại còn truất cả đại nghiệp của mấy em và mấy con nữa. Người ấy là Đại Từ Phụ vậy. ■

Viết xong ngày 17-09-Giáp Tý (1984)

QUANG MINH

(Xin xem tiếp Quyển XXII)

GÓP NHẬT CHUYỆN ĐẠO 21

Biên Soạn: **QUANG MINH**